

Bích Ngân

Đất không cưu mang



Nén nhang đã tàn trên lư hương người chồng sau. Một cây nhang uốn cong lại thành hình số 9, con số của điềm lành. Nhưng lòng bà Năm bất ổn, luôn luôn bất ổn mỗi khi đứng trước bàn thờ hai người chồng. Khi ấy, dù có quên đi, trong bà vẫn cuộn cuộn niềm hạnh phúc lẫn nỗi bất hạnh xưa. "Ôi, phải chi lớp đất nhày nhựa của đợt pháo khủng khiếp trong chiều mưa dầm dề ngày đó vùi ta cùng chồng, thì đâu gây nên bao nỗi khổ đau chất ngất cho người, cho ta...". Bà thắp thêm nén nhang cắm kè con số 9. Tay run run bà chạm phải, làm tan ra, tàn rơi lả tả. Bà đứng bất động, nhìn không chớp vào những mẩu tro tàn...

Với người chồng trước vẫn mãi là phần ký ức dịu ngọt, nồng nàn đã hoà tan trong từng mạch máu và luân chuyển không ngơi trong cơ thể bà. Nhưng cũng vì thế mà không phải không có những lúc trong bà mất đi cảm giác đó, ấn tượng đó.

Còn với người chồng sau lại là những chuỗi ký ức sắc nhọn thường cứa vào bà buốt nhói, như lúc này. Và bà chỉ biết bầu vùi vào ánh mắt khoan dung, u buồn của ông từ khung hình vàng úa...

* * *

Ánh mắt ấy, ba mươi năm trước là ánh mắt bạo dạn cuồng nhiệt của người đàn ông tóc điểm sương, người vạm vỡ, nổi tiếng phiêu bạt nhiều nơi, đang ngồi đối diện với bà trong nhịp thở dứt quãng, hào hển:

- Đừng bắt tôi nói nhiều. Ừ đi Năm! Ừ một tiếng đi! Ừ đi, tôi cưới Năm liền. Ừ đi Năm, ừ đi...

Sau giây phút ngỡ ngàng, bà Năm không thể từ chối quyết liệt. Bà lưỡng lự. Nhìn qua vai ông, trời đen kịt, vắng tiếng bìm bịp kêu nước lớn, nẫu lòng. Con nước này, không biết bờ rẫy có chịu nổi không, thằng Hai thì ngủ như chết, đường lại tối om om, công bí mới trở bông... Bà nhẹ nhẹ gỡ đôi tay thô nóng đang siết chặt tay bà:

- Tỉnh lại đi anh Mười! Chắc hồi chiều anh uống nhiều rượu...

Đôi mắt ông Mười quắc lên. Ông bóp mạnh tay bà làm bà ứa nước mắt.

- Phải, tôi say - Đột nhiên, khuôn mặt rần rói gió sương của ông méo xệch - Tôi say. Say vì Năm.

- Trời ơi, ừ đi Năm, tôi van Năm...

Cơn xúc động ấy làm bà Năm bối rối:

- Nghĩ kỹ đi anh Mười! Anh quên tôi là đàn bà ba con...

- Ba con, hay ba chục con tôi cũng thương, cũng cưới! Sao Năm ác quá, không chịu hiểu ruột gan tôi, nè trời! Ừ đi Năm, ừ một tiếng đi. Nếu không, tôi không về!

- Ý chết, không được! Anh Mười về đi, kéo sắp nhỏ...

- Sợ gì! Tôi cho tụi nó hay bây giờ. Tụi nó sắp có cha. Một người cha ngon lành!

- Đừng, đừng! Tôi van anh, anh Mười! Nếu anh thiệt lòng thương tôi thì anh

về đi. Còn chuyện đó để... thủng thủng tính sau.

Ông buông bà ra, ngồi phịch xuống thềm nhà. Đầu ông rũ xuống. Lâu sau, ông đứng lên thẫn thờ, đau đớn:

- Tôi về! Nhưng Năm đừng hành hạ tôi lâu. Trời ơi, tôi thương Năm! Tôi thương Năm! Tôi thương...

Ông tiếp tục thì thầm, rên rỉ và có lúc như gào lên trên đường: "Tôi thương Năm! Tôi thương Năm! Tôi thương...".

* * *

Tình cảm của ông Mười đã bật dậy như cái lò xo từ lâu bị nén. Cứ mỗi lần không ghìm được, ông lại háo hức như chàng trai mới biết yêu lần đầu, sai bước đến nhà bà Năm.

Lúc đầu, bà Năm lờ đi tiếng kêu sốt ruột, giục giã của ông Mười.

Bà là con gái duy nhất của một người phiêu bạt có ít nhiều chữ nghĩa. Với đôi tay bạt rừng và cái đầu biết ghi nhớ lời cổ nhân, cha bà sống dễ dãi với mình nhưng lại quá nghiêm khắc với các con. Là đứa con có hiếu, bà biết cha bà sẽ khổ nơi chín tuổi nếu con cái sống ngược với điều ông răn dạy. Nhất là điều ông hằng ca cẩm: "Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết mới là chuyện lớn."

Chồng chết, bà đã không đủ gan, lại chẳng điên dại gì và cũng không thể chết theo. Đói khổ, bà đã từng ném trái. Còn tiết hạnh, bà đang khư khư giữ lấy.

Đóng cửa như mọi khi bà chưa yên tâm. Bà buộc thêm vào cánh cửa và cột nhà mấy vòng dây lạt. Vẫn phấp phồng, bà tẩn thêm ở trong cánh cửa mấy cái cà vung, chứa đầy đậu phộng.

Ông Mười không kêu cửa nữa. Ông đến, lặng lẽ ngồi xuống bãi cỏ trước sân nhà bà Năm. Ngôi nhà quạnh hiu như chìm hút trong đêm tối nếu không hắt ra thứ ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu lay lắt. Gió! Gió rậm rật đuổi nhau. Cánh cửa va đập. Ông lại nghe tiếng sột soạt trên nền nhà. Có lẽ, sau cánh cửa bà Năm huy động tất cả cái gì có thể che chắn được. Ngọn đèn vẫn kiên nhẫn cháy...

Bóng đêm loãng dần ra, mênh mông hơn. Ông Mười ngả người xuống cỏ, hai tay vòng sau gáy. Sao mọc thưa thưa. Vàng trắng khuyết ngại ngại không muốn phô hết mình, cứ thập thò ẩn hiện để rơi rớt xuống trần gian thứ ánh sáng nhờ nhợt, mờ ảo. Trong màn đêm mơ màng ấy, những ngôi sao thỉnh thoảng nhấp nháy với ông. Ông nheo mắt với nó. Các vì sao cũng cô lẻ và thao thức thâu đêm! Cả tiếng gà gáy lác đác cũng lẻ loi. Tiếng gáy xáo động không gian và con người. Còn tiếng thở dài của ông hoạ hoàn lắm mới làm con mực giật mình, ngơ ngác. Ông ghét và sợ tiếng thở dài của mình.

Ông xoay người úp mặt xuống cỏ. Ông rung rung khi lớp cỏ non tơ, mềm mại cạ vào mặt mình. Và liên tưởng, khát khao... Ông định sẽ nằm với cỏ suốt đêm. Như thế này may ra chợp mắt được. Nhiều đêm liền ông thức trắng. Ông sợ mình mơ khi ngủ. Trong mơ dồn hết sức lực để yêu thương. Tỉnh dậy trơ trọi, kiệt sức. Nhiều lần quáng quàng chân vấp, chân ngã, và khi thấy ngôi nhà của bà Năm còn đứng vững trên mặt đất, ông làm lũi trở về. Đêm nay, cỏ mơn man và ông chợp mắt. Bỗng giọng đàn bà êm ngọt bên tai ông:

- Sương xuống rồi, anh Mười! Nằm đây cảm chết!

Bàng hoàng, tim đập loạn xạ, ông mở mắt. Trước tiên, là một cặp chân. Một cặp chân nõn nà tỏ mờ dưới vàng trắng khuyết. Cặp chân ấy di động

gần ông. Ông không kịp lý giải vì sao đường khô sạch như vậy mà hai ống quần đen lại xắn cao quá? Nhìn sự di động bạo dạn của đôi chân, ông dần tỉnh. Ông đứng dậy tránh hướng di động quyết liệt của đôi chân. Đôi chân ấy cứ tiến và dừng lại, rồi một cánh tay mềm mại, ấm áp chạm vào người ông.

- Khuya lắm rồi. Về nhà em nghỉ đi, anh Mười!

Ông lựng khựng, lừng khùng. Cánh tay níu chặt ông, người ép sát vào ông. Ông thấy mình như bị ma ám, để người đàn bà lảng giềng kéo đi tuồn tuột. Đi một quãng, đến con mương rộng với cây cầu bắc ngang là hai đoạn cây gút mắc chông chênh, ông dừng lại. Đôi chân người đàn bà nhún nhảy, thoăn thoắt và khi tới đầu cầu bên kia, một đầu của đoạn cây bên này nhổng lên chơi vơi rồi rớt tòm xuống nước. Nước văng tung tóe. Nước bắn vào ông. Rùng mình. Ông tỉnh. Không, ngôi nhà ông tìm đến muốn đến đang nằm thêm thiếp sau lưng ông kia! Ông quày quả trở lại. Lập tức, giọng nói tức tối đuổi theo ông:

- Hứ!... Như chó chực xương! Để rồi coi...

Không chỉ bằng linh cảm mà còn bằng tiếng sủa hậm hực của con Phèn, dù đóng chặt cửa bà Năm vẫn biết sự có mặt của ông Mười hàng đêm trước nhà mình.

Dần dần, con Phèn chỉ sủa sủa, khịt khịt chiếu lệ theo thói quen như sủa gốc cây hay sủa mặt trăng. Sự lười nhác của con Phèn làm bà Năm không còn giữ được vẻ dửng dưng. Bà lắng nghe tiếng bước chân. Bà thấy như khắc khoải, như chờ Út vào lòng mỗi lần thấy con Phèn cong đuôi rồi rít nhảy bổ ra khi nghe loáng thoáng bước chân ông Mười từ ngoài đường.

Sự gần gũi của con Phèn làm ông Mười thấy được an ủi phần nào. Vừa ngồi xuống bãi cỏ, con Phèn lập tức chạy lại bên ông và ngoan ngoãn để ông

vỗ về, âu yếm. Là con cái tở, nó nhạy cảm. Nó luôn xoắn xuýt bên ông, lúc ngồi, lúc quỳ, lúc chồm lên liếm vào vai, vào cổ, vào má ông.

Khi ông chuehnh choáng tiếp nhận tình cảm của con Phèn thì con Mực của ông như giận dữ. Tránh ra xa xa, nó chạy loanh quanh, mũi khịt khịt, hít hít lỏi đi của chuột len lỏi trong các đám cỏ, lâu lâu nhảy cõn lên như vừa hù dọa vừa đùa giỡn với lũ chuột. Lùi lũi một thoáng nó lại quay về với chủ. Một tay vẫn giữ con Phèn, một tay ông vuốt vuốt cái mồm ướt rượt của con Mực. Nó nhắm mắt lại, rạp đầu xuống rồi khéo léo, lạng lẽ rút mồm khỏi bàn tay ông. Cố lấp đi sự ganh tỵ bằng hành vi hào hiệp, nó lại chạy loanh quanh, đánh hơi, nghe ngóng và sẵn sàng nghinh chiến bảo vệ chủ và cô bạn chưa thân.

Chỉ ít lâu, con Mực và con Phèn mê nhau. Thi thoảng chúng cũng nhớ ông và dành cho ông những cử chỉ âu yếm quen thuộc. Ông nhận ra đó chỉ là tình thương hại. Ông đẩy chúng ra. Chúng cong đuôi rồi rít rồi lập tức nô đùa, đuôi bắt và xoắn lấy nhau. Ông thấy mình như mất hết! Cả chiếc bóng đơn độc cũng đang từ từ thoát khỏi ông. Một cảm giác ghen ngào trĩu dặng và ngực ông nhói đau khi nhận ra mình đang hờn ghen với hạnh phúc của đôi chó. Ông cố xua cảm giác đó nhưng nó cứ bám riết, bám riết, không sao rút ra được...

* * *

- Chắc trời mưa!

Ông Mười lằm bằm như thế khi thấy mây đen ùn ùn kéo tới.

Trong nhà, bà Năm vắn ngọn đèn to hơn. Bà đi đi, lại lại, bồn chồn. Bụng đèn lên, lại để xuống. Lại thấp nhang cho chồng. Lại xê dịch đèn. Xê dịch

bước chân... Đến khi con gió rùng rình mái nhà rồi con mưa ập xuống, bà run run mở cửa...

Ông Mười vẫn trơ gan ngồi một chỗ như không hề biết trời đang mưa, mà lại mưa to. Người ông sưng nước. Râu tóc nước chảy thành dòng. Bà Năm muốn gọi ông nhưng sợ ông không nghe được tiếng bà. Bà chạy ào ra mưa.

Khi hai người ướt sũng diu nhau vào nhà, không biết từ xó xỉnh nào, con Phèn, con Mực nhảy chồm lên hai người, rới rít.

* * *

- Minh à, sắp nhỏ kêu mình bằng ba...

- Ồ... ờ, tùy mình thôi,... Nhưng kêu bằng cha tôi chịu hơn...

- Tôi ngại ngại sắp nhỏ...

Ông buông vợ ra. Bà Năm chơi vơi giữa câu nói. Thờ dãi một lúc, ông bỏ vợ trong mùng, bước thùm thụp ra ngoài vấn thuốc. Bà Năm ra theo, ngồi cạnh ông, ấp úng định nói gì đó nhưng ông chặn lời:

- Không, lỗi đâu phải do mình. Lỗi ở tôi. Tự dung lại xen vào đời mình!

Ý nghĩ ấy trở đi trở lại với ông. Ông xỉ vả, nguyên rửa mình. "Đúng, lỗi do tôi, tại tôi! Tôi đã hung hăng như cọp, lý lợm như trâu, yếu mềm như con trùn chỉ vì muốn được mình. Nhưng tôi chỉ được thân xác mình". Ông đấm ngực thành thịch vì sự thực này. Ngay đêm đầu chung đụng, bà đã bật khóc tức tưởi, ghen ngào. Khóc vì nuôi tiếc, vì kỷ niệm, vì hạnh phúc đã qua? Hỡi ơi, có giọt nước mắt nào cho ông!/? Lúc ấy, thờ hồng học, ông muốn xiết bà đến tắt thờ và hả hê nhìn những giọt nước mắt khô lại trên đôi mắt thâm quầng của bà. Thay vì làm vậy, ông lại quỳ xuống cạnh bà như một con chó. Và bà đã ban ơn. Chính lòng trắc ẩn này làm ông lúc nào cũng treo căng

giữa hai đầu yêu thương và ghen giận. Mỗi một cử chỉ gần gũi, âu yếm của bà lại nảy ra mỗi ngờ vực trong ông. Ông đã chăm chăm rình mò bà như một kẻ hèn hạ. Cái nhìn luôn dán theo bà, ngay cả lúc nằm bên nhau. Ông không chịu được khi ngủ bà quay về phía không có ông. Ông luôn kéo bà về phía mình. Ông muốn sở hữu bà ngay trong giấc ngủ và cả trong chiêm bao. Ông biết điều này quả khó khăn. Ông tím mặt bầm gan khi nhận ra mình phải hần học tranh chấp quyền sở hữu với người đã khuất. Ông thấy bàn thờ người chết lúc nào cũng sừng sững, che chắn hạnh phúc của ông. Từng đốm nhang trên bàn thờ cứ chầm đốt vào ông, rát bỏng. Có lần, điên tiết, ông đã vơ hết đống nhang rồi thấp đổ rục. Bà ngạc nhiên, chưa kịp nói câu nào, ông đã nóng nảy:

- À, bà sợ người ta nóng à? Sướng, sướng, chết được vậy thiệt sướng!

Nhiều lúc ông thèm được chết. Ông biết, mình chết sẽ không "được sướng" như "người ta". Nhưng dầu sao cũng để ấn tượng cho bà. Ông sợ tất cả trôi tuột hết, dù sống đàng đẵng bên nhau. Và chắc sẽ gây ấn tượng dữ dội nếu ông chọn cái chết lơ lửng trên không. Một cành cây nào đó oằn xuống, thân xác ông đong đưa, đôi mắt mở trừng trừng. Đôi mắt đó sẽ theo bà suốt đời. Nghĩ đến đây, ông mỉm cười mà nước mắt thành dòng.

Ông đã chọn một cây đước, tua tủa những cánh tay vững chãi vươn ra mặt đất. Ông mò tìm một cành cây để buộc thòng lọng vào đó nhưng cành cây nào cũng mảnh dẻ so với thân thể cường tráng của ông. Ông đang căng mắt trong bóng tối để tìm một thân cây khác, thì loi nhoi xuất hiện trên đường hẹp những bóng người. Rồi tiếng chân chạy rậm rịch, tiếng kêu hót hải: "Ba, ba ơi!". Ông mềm người trước tiếng kêu ấy. Ông tuột từ trên cây cao xuống khi nghe tiếng khóc rầm rức của con Út. Ông bế thốc con Út lên và xiết chặt nó vào lòng.

"Thì ra, mình đâu phải là người thừa!". Ý nghĩ này với ông như liều thuốc hồi sinh. Ông làm lưng bắt kể chết. Mặt trời chưa mọc ông đã có mặt ngoài rẫy và trở về khi mặt trời đã khuất sau dãy rừng đen thẫm. Hai mươi công rẫy gần như chỉ mình ông đào đắp, cuốc xới, trồng tía, chăm bón, thu hoạch. Thằng Hai chỉ hụ hợ ông chút ít, thằng Ba, con Út quanh quẩn ở nhà com nước với mẹ. Mỗi lần từ rẫy về bao giờ trong túi ông cũng đầy ắp trái thù lù chín mọng, trái nụ áo đỏ ối. Thằng Ba, con Út tranh nhau trái chín ông cho, háo hức nhai rau rầu. Ông xoa đầu chúng và thấy như mình có lỗi, ông chẳng có gì quý hơn cho chúng ngoài những quả đại len lõi khắp rẫy...

* * *

- Thằng Hai nhà chị giống cha như đúc!

Đang cuốc phăm phăm, bỗng ông khựng lại khi nghe câu nói vắng từ đám bắp phát cờ lao xao gần đó.

Ông nhận ra giọng nói của người đàn bà hàng xóm. Người đàn bà hể gặp ông, dù giữa trưa gay gắt nắng cũng xắn hai ống quần thật cao, bộ ngực trêu ngươi, lúc la lúc liu. Người đàn bà ấy, tên gọi Sáu Lê. Ông không rõ vì sao cô ta mang tên ấy, dường như tên của một thứ trái chua, hay vì cái tính ngời lê đôi mách hằn đậm ở cô ta?

Xóm giềng vừa chê bai, vừa bị kích thích bởi cá tính ấy. Sau lưng, các bà bĩu môi cảnh giác nhưng vẫn tìm cách tùm năm tùm ba nghe Sáu Lê bô lô ba la đủ thứ chuyện, đặc biệt là chuyện người ta chỉ làm trong bóng tối, trong khuất vắng thì Sáu Lê lại lôi nó ra tênh hênh giữa ban ngày ban mặt. Chính khả năng này mà đến bất kỳ nhà ai, cô ta cũng chăm chăm vào buồng ngủ. Đôi với cô ta, trên đời này không có gì hấp dẫn bằng khoản đó. Không ngưng ngừng, chọc chọc những ngón tay vào đầu gối tròn lẳn, Sáu Lê tuyên bố thẳng thừng: "Con cái làm khi gì cho mệt. Tôi chỉ cần cây gậy của

đàn ông!". Sáu Lê nhiều lần có chồng nhưng không ông nào ở với Sáu Lê được quá nửa năm. Sau mỗi lần chia tay, Sáu Lê không giấu được bức tức: "Ông ấy xiù quá!". Rõ ràng ràng, không ông chồng nào đủ cường lực để nhấc Sáu Lê khỏi mặt đất. Sức lực dân chài của ông chồng mới nhất cũng chỉ nâng Sáu Lê là đà trên mặt đất. Mà Sáu Lê muốn bay, bay cao, bay nữa... Tức tối, Sáu Lê ráo riết kiếm tìm... Bộ râu rậm rì, vùng lông xoáy mướt ở bụng, ở ngực ông Mười trong đêm trăng thanh vắng đó lại nung khối máu ấy trong Sáu Lê, sôi sùng sục. Chưa một gã đàn ông nào không bị cuốn hút bởi ma lực đàn bà của Sáu Lê. Và vì vậy, đối với ông Mười, từ chỗ lượn lờ quyến rũ Sáu Lê chuyển sang lạnh lùng kinh chổng và nghinh chiến. Rất cay với cuộc sống của ông Mười và người đàn bà khác, nhưng ngoài mặt đối với bà Năm, Sáu Lê luôn tạo sự gần gũi thân thiện. Sự thân thiện ngấm ngầm mưu mô tai ác. Qua người vợ Sáu Lê biết sẽ dễ dàng đánh trúng chỗ yếu nhất, dễ tổn thương nhất nơi ông Mười. Điều này không phải chờ lâu. Lúc trò chuyện, bà Năm tiết lộ: "Ông nhà tôi, chỉ có tật... hay ghen". Chộp được yếu điểm này, Sáu Lê mừng hóm như vớ được vàng...

Câu nói tưởng như vô tình, văng ra từ đám bắp lúc nãy, chính là mũi tên độc nhắm vào ông.

Cả tin, vợ ông phụ họa theo:

- Nó giống hệt từ lúc lọt lòng...

Ông bập lưởi cuốc cái phập vào đất. Buột miệng chửi thề một tiếng rồi xăm xăm một mạch bỏ đi.

Khi về nhà, bà Năm đã thấy ông ngồi lảm nhảm trên bộ ván ngựa giữa nhà, miệng nồng mùi rượu.

Bà thụt lùi lại, há miệng ngạc nhiên nhìn ông giựt phắt cái khăn ướt quăng đi khi bà vừa chạm nó vào trán ông:

- Mẹ! Đừng giả ân giả nghĩa. Bà có thương yêu gì tôi? Bà chỉ thương cái sức trâu bò của thằng tôi! Tôi đi! Tôi phải đi...

Ông đùng đùng bỏ đi trong cơn say. Bà Năm chết lặng nhìn theo. Không hề răng, không níu kéo.

Ba ngày sau ông lúi thủi trở về, mình đầy vết xước, đôi mắt trũng sâu thâm quầng, má hóp lại nhưng cái nhìn của ông khác hẳn. Đó là cái nhìn của một người vừa trải qua cơn bệnh nguy kịch.

Ông ngồi phịch xuống sân nhà, vẫy con Mực lại. Cùng một lúc, con Mực lẫn con Phèn mừng rỡ đặt những cái chân lấm lem bùn đất lên đôi tay chai sạn của ông. Con Mực chồm cao hơn, đưa cái lưỡi mềm nhũn, nhờn nhờn liếm liếm vào cổ ông. Cử chỉ quen thuộc của con Mực, con Phèn giúp ông thêm can đảm. Ông bước vào nhà trong tiếng reo líu ríu của con Út:

- A, ba về! Má ơi, ba về! Anh Ba ơi, ba về! A, ba về!

Đôi chân ông bủn rủn muốn khuỵu xuống khi thấy vẻ mặt vui sướng và tiếng kêu mừng rỡ của con Út "Ba về, ba về...". Ôi... Út, con... Ông vồ vập thốc con Út lên, dụi đầu vào ngực nó:

- Sao ba khóc?

- Không, đâu có, ba đâu khóc!

- Sao mắt ba ướt nhèm nè!

- Tại... kiến đáí vô mắt ba!

- O... chắc cũng tại con kiến vàng. Má cũng bị nó đáí vô hoài.

Ông siết chặt con Út vào lòng:

- Má con đâu?

- Má con bữa củi ngoài sân kia kìa!

Ông đặt con Út xuống, dúi vào tay nó nắm thù lù chín mọng. Ra chỗ tiếng búa, không nói không rằng, ông giăng lấy cây búa từ tay vợ, bữa một mạch

hết đồng cây làm củi.

Vào nhà, ông lau mồ hôi nhễ nhại khắp thân thể, ăn hết một phần xoong com nguội với mắm tép, hút một điếu thuốc rê, vắn vội chiếc khăn rằn lên đầu, hấp tấp chạy ra rẫy giữa trời nắng chang chang.

- Vô nghĩ đi Hai, để đó cho ba!

Bất ngờ trước thái độ của ông, thằng Hai ngẩng nhìn ông, bối rối, mặt ửng hồng, đầu mũi phập phồng. "Nó giống cha như đúc". Thành linh câu nói ấy trở lại dày vò ông. Ông chua chát nghĩ đến người chồng trước: "Rõ ràng hấn đẹp trai. Nhưng ta thời trẻ nào thua hấn. Tôi thương mình, tôi nâng niu mình. Còn hấn, hấn tàn phá mình, dù mình mới ba lần sinh nở. Ôi sao mình không sinh nở với tôi? Trời ơi, mình chỉ có con với hấn". Con quỷ ghen tuông lên cơn hoành hành. Ông đâm thành thịch vào ngực mình: "Tao lạy mày! Tao thừa khổ rồi!".

- Ba, ba mệt vô nghĩ đi, để con làm...

- À... mày cả gan chê tao yếu, tao mệt hả? Đi, đi cho khuất mắt tao!

Nhìn dáng đi thất thểu của thằng Hai, niềm day dứt lại trào lên cổ ông. Ông cố nuốt mấy cái. Té ra nó không phải vướng ở cổ mà có sức nặng của đá tảng đè lên. Ông lão đảo, vớ được cán cuốc ông tựa vào đó và từ từ khuyu xuống, soãi người ra mặt đất. Mặt đất xộp, phập phều thả vào ông hơi thở oi nồng. Ông nằm im, sự êm mát của đất đem lại tình âu yếm dịu dàng, ông liên tưởng đến khuôn mặt nhòe nước mắt của vợ...

... Ngày ấy, ông cũng chẳng biết mình đến đâu nếu không gặp mẹ con bà Năm hì hụi chèo xuồng cây khảm đừ trong con giồng thịnh nộ đuổi theo. Mặt nước còn cào, dậy sóng. Trên bờ cây gãy răng rắc, lá đổ rào rào. Chấp chới chim rừng líu ríu gọi nhau. Đột nhiên ông đuổi theo chiếc xuồng chèo rì rì trước mặt. Cặp xuồng lại, ông nói như quát:

- Mày nhảy qua xuống này chèo cho nhẹ!

Ông thay chỗ cho thằng bé. Ông gồng người, chèo hết tốc lực, mái chèo cong vút chực gãy nhưng chiếc xuồng vẫn lì lợm nhích từ từ. Mưa đã trắng xóa mặt sông. Không cách nào khác, ông cặp xuồng lại, hói cả quãng cây lên bìa rừng. Mưa ào ào trút xuống. Hai mẹ con bà Năm cuống cuống tát nước mưa trong xuồng ra. Quãng hết cây, ông giằng gàu tát nước và kéo mũi xuồng lên bờ. Mưa dày đặc. Khu rừng tối sẫm. Tấm vải ni lông không đủ cho ba người. Ông và người đàn bà đứng nửa trong, nửa ngoài căng tấm ni lông che cho thằng bé. Mưa dai dẳng. Người đàn bà tái xanh trong bộ bà ba đen dính sát vào tấm thân mảnh khảnh, yếu đuối. Thằng bé cũng tái xanh như mẹ nó, cứ liên tục "khởi động" tại chỗ trên mặt đất nhòe nhoẹt sinh lầy.

Mưa nhẹ hạt một chút thì vô số muỗi rừng từ gốc cây, kẽ lá và như từ từng giọt mưa sinh ra, vây bủa ba người. Chúng thi nhau bám chặt vào da thịt, hau háu hút máu. Vừa chống chọi với lũ muỗi say máu, cả ba người vừa tháo lui. Dưới chân trơn trượt sinh lầy, hai mẹ con người đàn bà run rẩy bấu ngón chân vào mặt đất lần đi từng bước nhưng cứ liên tục chúi đi, vấp ngã. Ông và hai mẹ con bà Năm phải bấu vào những chang đước tua tủa như muôn ngàn cánh tay gân guốc bám vào mặt đất. Len lỏi trên những chang đước cơ man nào là ba khía, còng chạy roàn roạt, vênh những chiếc còng xanh, đỏ trêu tức sự yếu ớt của con người. Nhờ nương vào chang đước, cả ba tới được xuồng. Bấy giờ, nước ròng vực sâu, chảy xiết. Hai chiếc xuồng nằm chơ vơ trên bãi lầy, cạnh đồng cây ngổn ngang. Trời tối nhanh. Cả khu rừng chìm trong bóng tối thâm u, xáo động. Xáo động đến rợn người khi nghe tiếng kêu hoảng loạn bi thương của những con chim bị mất tổ sau trận mưa giông.

Tiếng kêu của lũ chim có âm sắc nhọn hoắt đâm vào màng nhĩ ông. Ông rùng mình. Quẩn quại và tuyệt vọng trong rừng đêm, những con chim bơ vơ không tìm đâu ra tổ ấm. Ông cũng kiếm tìm và hình như trời đất cũng thấu nỗi lòng ông...

Ông nhớ vợ còn cào. Ông vùng dậy sai những bước chân gấp gỏi. Được mười bước, chân ông vấp một chiếc gai chà là nhọn hoắt. Rút gai nhọn ra khỏi chân, một vệt máu đỏ lẩn vào lớp đất bám dưới gan chân ông. Ông xoa xoa chỗ đau, lưỡng lự rồi quay lại những luống khoai cuốc dở, cầm cuốc lên...

Khi ông về đến nhà mặt trời đã khuất hẳn sau cánh rừng. Vợ ông đang lúi húi cho thêm củi vụn vào bếp hun muối, làn khói sẫm màu tấp vào vợ ông. Ông nheo mắt, cay xè. Ông sục sạo trong đồng củi xấp lớp sau hè lôi ra những cây củi mục đặt vào bếp đun. Cây mục bắt lửa, không cháy, tức tưởi, lũng nhùng phả ra những bọng khói xám xịt toả khắp nhà. Vợ ông yên tâm nhìn bày heo tấp phàm phạp trong máng không quát đuổi đuổi muối liên tục như lúc nãy. Bà rửa chân tay, dọn cơm trong khi ông nhảy ùm xuống sông tắm tấp, ngụp lặn như một cậu bé nghịch ngợm. Ông hớp hớp vào miệng những ngụm nước, phun ra, lại hớp vào. Vị mặn của nước làm lưỡi ông tê tê thích thú. Ông mặc quần áo, chải tóc trong tiếng chan húp xì xụp của thằng Hai, thằng Ba. Con Út nũng nịu đẩy chén cơm ra, ngoẻo đầu trên đùi mẹ, phụng phịu: "Con chờ ba ăn cơm à". Ông sà vào mâm cơm, gắp con tôm hùm luộc đỏ au, lột vỏ, bỏ vào chén con Út. Ông lột vỏ một con nữa định bỏ vào chén vợ thì bà đã thụt chén lại:

- Mình ăn đi!

Biết vợ từ chối vì mình nhưng ông vẫn thấy như vừa bước hụt. Ông bỏ con

tôm vào miệng quên chắm mắm và cũng chẳng biết dư vị của nó.

Không để ý về mặt của chồng, bà Năm tiếp tục đẩy đĩa cua lột chiêm đến gần ông:

- Cua cô Sáu cho. Minh ăn đi, để nguội mát ngon!

Ông không rõ, có phải nghe đến tên người đàn bà ấy hay nhìn những con cua lột mềm nhũn mà trong người ông nổi lên cảm giác gai gai. Ông đẩy đĩa cua về phía vợ.

- Minh ăn đi!

- Minh ăn trước đi, ngon lắm!

Bất giác, những con cua èo uột nằm trong đĩa, gợi cho ông những hình ảnh và sự liên tưởng.

- Minh thích nó à?

Ngạc nhiên trước câu hỏi gay gắt của chồng, bà nhìn ông đau đầu. Và vội vã quay đi giấu giọt nước mắt không kịp nén. Cúi gằm mặt, lùa hết chén cơm, ông bỏ ra sân ngồi với bóng đêm và lũ muỗi. Muỗi vo ve hàng đàn. Muỗi cắn ông từng chùm. Máu nhòe nhoẹt trong lòng tay ông: "Mẹ kiếp, tao dư khổ rồi!" Như đánh được hơi máu, lũ muỗi kéo lại càng đông. Ông muốn vào nhà nhưng sợ nước mắt vợ. Nước mắt thương yêu, tủi hờn hay tiếc nuối? Càng hỏi ông càng hoang mang. Ông tin máu chảy nhưng ông luôn hoài nghi những giọt nước mắt. Hình ảnh cư xử của loài cua hiện ra trước mắt ông và ông chợt nhận ra thâm ý của Sáu Lê.

Nhiều lần ông gặp con cua đục giương càng hùng hổ xông vào tấn công ông, bắt kê trong tay ông lăm lăm chĩa sắt. Chĩa gãy càng những cái ngoe còn lại tiếp tục cựa quậy, chống chọi đến cùng. Tóm được cua đục canh giữ trước hang thì biết chắc trong hang con cua cái đang ung dung lột vỏ. Ngược lại, khi ông bắt gặp con cua cái bò thoăn thoắt cùng một con cua đục đến trước miệng hang và để con cua đục hăm hờ bò vào hang thì ông biết trong hang

đó, một con cua đực khác đang lột vỏ lúc ẻo nuột nhất, hoàn toàn không còn sức tự vệ... Loài cua cái và... đàn bà... mình còn tơ tưởng đến hấn sao mình sống với ta? Với hấn, mình đẻ một loạt con. Còn với ta...

- Má ơi, ba đâu rồi, má.. Phải chi con Út là con đẻ của ta - Ông lảm bảm ước ao... - Con hồng ngủ đâu, con chờ ba!... Má má khóc hoài à! Ông gượng đứng dậy, phủi lũ muối, phủi những ám ảnh quái gở giày vò. Ông lần khăn vô mừng. Con Út mừng quỳnh nằm chen giữa ông và vợ. Nó vên vên râu ông và rúc rích vì nhột. Nó cù nách ông, hôn lên mặt ông và ngủ rất nhanh trên cánh tay chắc nịch của ông. Nghe hơi thở con trẻ trên tay mình, lòng ông rung rung. Ông nhẹ nhẹ đặt nó vô phía trong và nhích lại gần vợ. Hơi thở khó nhọc và bộ ngực phập phồng của vợ xua hết nỗi hờn ghen. Ông kéo vợ sát mình:

- Đừng khóc nữa, mình!

Vợ ông nấc lên nghẹn ngào:

- Tôi xin mình!

Ông áp đôi má ướt đẫm nước mắt vợ vào ngực mình. Bà nức nở trong vòng tay xiết chặt của ông. Và không biết từ lúc nào, ông cũng khóc. Giấu mặt vào mái tóc của vợ, ông nghẹn ngào:

- Mình ác với tôi lắm... Sao mình không cho tôi một đứa con!

Vợ ông nấc lên dữ dội. Hoang mang cực độ, ông chỉ biết ôm chặt vợ. Bỗng ông buông vợ ra, ngời bật dậy khi nghe tiếng thì thào của vợ: "Mình sắp có con!". Ông không tin vào tai mình, ông hỏi lại vợ và bất ngờ vén áo vợ lên. Ông áp tai vào bụng vợ nghe ngóng:

- Thiệt hôn mình?

- Được gần ba tháng rồi!

- Sao mình giấu tôi!

- Để thiệt chắc, sợ mừng hụt!

Vợ ông ngỡ ngàng, sung sướng đón nhận cơn thủy triều yêu thương trào dấy nơi ông. Ông hôn khắp bụng vợ, thì thầm: "Con trai, con trai của ta!".

Ngày tháng chờ đợi đứa con ra đời là thời gian hồi hộp đến cuồng quýt trong hạnh phúc. Ông nâng niu, ông chăm sóc vợ ân cần chu đáo đến nỗi những bà vợ hàng xóm quỳnh lên chì chiết, chê trách đức ông chồng của mình.

Đối với Sáu Lê, dù cố tình phớt lờ nhưng vẻ mặt vẫn không giấu nổi ghen tức, coi hạnh phúc của ông Mười như sự thách thức trêu tức cảnh "cây độc không trái..." của mình. Ông chọn tên Nghĩa đặt cho đứa con sắp ra đời - em nó sẽ là Tình. Ông gật gù và tự thưởng một ly rượu vì sự lựa chọn này. Ông cấm tuyệt không cho vợ làm lưng nặng. Ông bừa củi chất đầy nhà, vác củi un chất đầy chuồng heo. Các khạp mái chứa nước lúc nào cũng đầy ăm ắp. Ông sửa lại tay vịn cây cầu, bắc lại sàn lán bằng phẳng, vững vàng. Ông ép bà ăn tôm, ăn cua để "cho thằng Nghĩa thiệt bự, thiệt khỏe". Hễ nói chuyện với vợ, bao giờ ông cũng nhắc tới "thằng Nghĩa". Nhiều lúc vợ ông nói như dỗi:

- Ông chỉ biết thằng Nghĩa, đâu thương yêu gì tôi!

Ông ngượng ngập xoa tay lên bụng vợ, cười ngượng nghịu:

- Đợi lâu quá!

Ngày chờ đợi rồi cũng đến...

Ông không nhớ bằng cách nào, mình đến nhà bà mẹ nhanh như vậy. Ông muốn nện cho bà mẹ một trận khi thấy bà thủng thủng ngồi nhai trầu, thủng thủng dựng đầu gối lên vén ống quần chùi nước trầu đỏ tươi tứa ra mép. Ông quơ giỏ trầu bà chạy trước, bà mẹ lấp vấp theo sau. Hình như ông bị bà mắng té tát khi ôm thốc bà chạy trên đoạn đường cuối về nhà. Bà mẹ cấm

không cho ông vào buồng để.

Ở ngoài, lòng phùng phùng như lửa đốt, ông đứng ngồi không yên. Lên nhà trước, xuống nhà sau. Ở góc sân, con Út mặt buồn xo, tay chống cằm nhìn chằm chằm dòng nước trôi lững lờ trước mặt.

- Sao buồn, Út?

- Có em, ba má hết thương con!

Ông bối rối không biết nói câu gì dỗ dành con bé thì bất ngờ tiếng khóc oa oa vang ra từ trong nhà. Chân ông chùng lại, ngỡ ngàng: Sao lại khóc? Những đứa trẻ khác có khóc không? Và ông, ông có chào đời bằng tiếng khóc?

- Ba ơi, em trai!

Ông định thần lại bởi tiếng kêu của con Út. Vào buồng, ông thấy một hài nhi đỏ hồng, xa lạ đối với mình và khác xa sự hình dung bấy lâu nay. Càng chăm chú nhìn đứa bé ông càng thất vọng. Miệng nó hớp hớp không khí, vận vẹo toàn thân. Đôi mắt hum húp của nó hé mở nhưng ông chẳng tìm thấy tín hiệu nào ở trong đôi mắt ngơ ngác đó. Chỉ có tiếng khóc là khẳng định sự có mặt của nó. Nhưng sao lại là tiếng khóc? Ông lại nghĩ đâu đâu... Tiếng bà Năm kéo ông lại:

- Thằng Nghĩ của mình đó!

Ông thấy lòng xôn xang trước nụ cười mệt mỏi và mãn nguyện của bà.

Nhưng đứa trẻ vẫn chưa mảy may đánh thức tình cha con trong ông. Vợ ông hơi nhồm đầu lên, tay kéo nhích manh chiếu về phía ông:

- Minh coi, mắt miệng con giống hệt mình, rồi ngón tay, ngón chân nữa, dài thậm thọt...

Ông cúi xuống vạch tấm vải quấn. Tay chân, thân thể nó gầy ngoảnh, đầu

chờ vờ như cá lóc mắc cạn, càng làm ông thấy xa cách với cơ thể là hòn máu của mình. Bà mẹ, với kinh nghiệm trước những người đàn ông có con đầu lòng, vừa nhai trầu, vừa trấn an ông:

- Mới đẻ, đứa nào cũng vậy hết ông tướng!

Sáu Lê có mặt ở đó góp lời:

- Ô, ờ, coi... coi nào! Mấy đứa trước bảnh hơn nhiều!

Ông muốn bóp cổ người đàn bà ác miệng độc lòng đó. Ông nắm tay lại, bấp thịt gân guốc nổi lên cuộn cuộn:

- Câm đi!

Ông quát to rồi bế gọn đứa bé trên tay. Từ phút đó, ý thức máu thịt với sinh linh bé nhỏ ấy trở dậy trong ông.

Đứa trẻ lớn nhanh. Ông Mười thấy nó giống trái bầu, trái bí - chỉ ngủ qua đêm, sáng ra đã thấy lớn phồng phao cạnh những bông hoa nở muộn, vàng rực, dẫm hơi sương. Và ông bắt đầu ngắm trái bầu, trái bí căng tròn, chen chúc trên mặt đất với con mắt chăm chú, khám phá, ngỡ ngàng. Khi khám phá mảnh đất hoang vu rừng rậm này, ông chỉ nghĩ đến chuyện bòn rút, vắt kiệt sự phì nhiêu, màu mỡ của nó. Ông đã từng thẳng tay băm vằm, cuộc xới nó trong cơn bực tức nóng nảy bởi tiếng kêu rỗng rĩnh của dạ dày. Giờ đây, khi áp tai xuống mảnh đất dẫm sương, nhận ra tiếng tí tách khe khẽ của những hạt mầm do chính bàn tay mình gieo trồng, ông rung rung thấy nó có cái gì rất gần, rất giống sự quấy đạp của con ông khi nằm trong bụng mẹ. Bước chân của ông trên mặt đất như nương nhẹ hơn. Mặt đất nâu xộp, phập phình, sau mỗi bước chân làm ông không ngừng nghĩ đến cơ thể khổng lồ đang thở mệt nhọc trong kỳ sinh nở.

Ông khao khát cơ thể sinh sôi. Vợ ông ngụp lặn trong hạnh phúc. Ông bỏ

hắn rượu và không thiết đến trà. Thú tiêu khiển độc nhất của ông là được nằm cạnh võng, nghe vợ hát ầu ơ... Cứ mỗi lần nghe vợ hát ru con, nước mắt ông cứ chực trào ra. Khi ấy, ông muốn ôm vợ, ôm con, ôm cả trời đất vào lòng! Ông muốn tiếng ru được nối tiếp tiếng ru:

- Minh à, đẻ thêm con Tình cho tôi nghe!

Khi con Tình chưa ra đời thì thằng Nghĩa là tất cả đối với ông. Một vết đỏ muỗi cắn trên da thịt của thằng Nghĩa cũng làm ông nổi giận. Ông thường lấy hai tay đập "bốp" thật mạnh vào bất kỳ con muỗi nào bay lảng vảng trước mặt. Vừa buông cây cuốc là ông chạy ù về với con. Ông hôn con chùn chụt, miệng không ngớt: "Khỏe, khỏe quá!". Ông nói ngọt ngào với nó, làm con ghé cho nó cười... Ông thường nằm ngửa, nâng thằng Nghĩa lên cao, giang hai cánh tay nó ra làm chiếc máy bay đang cất cánh. Trong tiếng cười khanh khách của nó, lưỡi ông líu lại phát ra âm thanh đã đót:

- Ừng ừ, on i áy ay iệt éng(*)!

Ông rất lo cho "chùng nữa" của thằng Nghĩa và có một kế hoạch tương lai dành cho nó, nhất định ông không để cho con khổ như cha, như mẹ.

Một đêm gần cuối mùa mưa, năm thằng Nghĩa đã lên ba. Nằm với vợ con, ông tính đến tháng hạn sẽ ruộng thêm mười công đất đang còn là cánh rừng rậm rịt nhưng đất ở đó cao, phân vừa dày vừa xốp có thể làm rẫy rồi sau lập vườn. Ông sẽ dẫn cho nó xem ánh lửa bập bùng của những ngày làm rẫy. Nó sẽ chạy lon ton theo ông...

Nghĩ đến đó, ông lấy tay sờ nắn đôi chân mềm mại của thằng Nghĩa. Giật mình, nhồm dầy, ông nắn bóp khắp người nó. Vợ ông lúnh quính vắn cao ngọn đèn, miệng lấp bắp: "Hồi chiều, nó còn chơi". Toàn thân thằng Nghĩa nóng hầm hập, đôi mắt nhắm nghiền, đôi môi đỏ tươi khô khát. Ông vùng

dậy, kêu xóm, gọi làng.

Chòm xóm chạy đến, trên tay mỗi người lọ dầu, củ gừng, trái chanh, nắm cỏ mực, viên thuốc, cắt, lể, đắp khăn ướt, chà chanh, xoa dầu nhiều lượt nhưng thằng Nghĩa vẫn nằm mê man, lâu lâu lại co giật. "Nó bị kinh phong giật, phải tìm mật mèo mun". Mệnh lệnh của ai đó vừa phát ra, tức thì như mãnh hổ, ông Mười chộp được con mèo, đôi mắt nó như hai mảnh sao lóe lên trong bóng tối. Ông mở bụng con mèo trong nhấp nháy, tìm túi mật đen thăm chỗ buồng gan nóng hổi. Giọt mật thứ ba vào miệng, thằng Nghĩa khẽ chớp mắt, chân tay động đậy. Giọt thứ tư, thứ năm mồ hôi rịn ra khắp người nó. Con nóng dịu dần, dịu dần... Khi mọi người yên tâm ra về, ông bảo vợ "chợp mắt một lát", ông dành ngòai canh cho con ngủ đến sáng. Hôm sau, ông nắn ná bên con đến xế chiều mới vác cuốc ra rẫy. Đến đêm, thằng Nghĩa lập lại trạng thái nóng sốt, mê man, co giật của đêm trước. Ông cuống lên huy động cả xóm bắt mèo mun nhưng gặp toàn mèo mướp, mèo vàng, chỉ nhà Sáu Lê có mèo mun. Sáu Lê cũng xăng xái đi tìm bắt con mèo, nhưng như có phù phép nó biến mất dạng. Mồ hôi chảy từng dòng, từng dòng ông chỉ bắt gặp ánh mắt Sáu Lê lóe sáng giống hệt ánh mắt mèo hoang trong mùa động đực. Ông chộp bừa con mèo có những vệt lông màu sáng. Những giọt mật của con mèo mướp không ngăn được cơn co giật của thằng Nghĩa. Cơn co giật dữ dội hơn.

Không còn cách nào, ông xốc con, kéo vợ xuống xuống, bươn bả chèo tìm trạm y tế.

Trời tối đen. Sao trời không xuyên qua được kẽ lá của rừng cây. Lòng đèn dềnh dàng bằng gỗ đước cũng không chắn được gió luôn. Ngọn đèn dầu nhập nhòa, nhập nhòa rồi tắt. Chiếc xuống vương vীu. Mũi xuống va liên tục

vào vô số tay đờc thò ra mé sông. Nước ròng chảy xiết. Chiếc xuồng nhích khập khựng như dưới lườn bị nhiều cánh tay lực lưỡng ghì lại. Mồ hôi tuôn ra như tắm, ông sụp người xuống sụp xuống khấn đất, van trời, cầu xin thần rừng, lạy bà hà bá... phù giúp ông kịp đưa con đến nơi.

Đến nơi, chân trời vừa rặng hồng, soi lò mò gương mặt thằng Nghĩa đang lịm ngủ. Nó ngủ mãi không chịu dậy nữa.

Ông nằm bên mộ của thằng Nghĩa suốt ba đêm liền. Bóng tối trùm xuống ông. Trong ông toàn bóng tối. Bóng tối dày đặc. Sang đêm thứ tư ông lên cơn sốt mê man. Cơn sốt lui đi ông gần như người câm. Ông nói là chỉ nói với thằng Nghĩa. Ông thủ thủ, nô đùa và khóc nức nở với nó. Ông trườn vào các góc ngách trong nhà, mân mê đồ chơi còn lại của thằng Nghĩa, miệng lặp đi, lặp lại:

- Trời ơi, con ơi, làm sao!

Sau những lúc như vậy, ông ngồi câm lặng hàng giờ bên chai rượu. Dù say bí tỉ, ông vẫn tìm đến được với thằng Nghĩa. Lại thủ thủ, nô đùa, khóc rung rúc với nó.

Tai họa tiếp tục ập đến. Ông ngồi bật dậy như cái lò xo khi nghe tiếng kêu hót hải của con Út: "Ba ơi, nước tràn vô rẫy. Nước, nước...". Đến nơi, ông chết lặng người! Nước tràn ào ào qua bờ rẫy. Ông thấy vợ ông tách ra thành nhiều người, rồi thằng Hai, thằng Ba cũng tách ra thành nhiều đũa loi ngoi, dập dềnh trên mặt nước. Khi thằng Hai kéo tay ông, ông mới giật mình, gấp gửi điên cuồng dùng tay xắn đất. Những tảng đất cứ chuôi đi, rẽ nước tung tóe. Mặc, ông cứ tiếp tục xắn đất, gấp gửi, điên cuồng cho đến khi kiệt sức và tuyệt vọng nhìn mặt nước ngoài sông phẳng lì với mặt rẫy.

Ông nằm bẹp trong nhà suốt ba ngày. Ngày thứ tư ông gượng dậy, lần dò ra rẫy. Mực nước đã xuống nhưng hơi ôi, màu vàng úa, thê lương trải ra trước mắt ông. Ông lê từng bước nặng nề theo từng luống dưa, luống bí, nâng niu vuốt ve những trái, những nụ gục đầu, héo rũ. Và kia, đám bấp ngậm sữa hôm nào nay phát cờ trắng y hệt rừng khăn tang bay phàn phật trong gió. Cố gượng nhưng sức lực nơi ông không còn. Ông té sấp trên mặt rẫy, trên lớp muối lấp lóa...

Ông tỉnh dậy bởi tiếng kêu rờn rợn của con chim cú mèo. Nó đậu trên cành cây khô đang chăm chú nhìn ông bằng con mắt mèo sáng lạnh.

Ngày cha ông té quy và đôi trâu bừa lên nhận chìm trên mặt ruộng sâu cũng là ngày con cú mèo kêu suốt đêm trên đầu sông nhà. Ngày mẹ ông cảm nắng trên cánh đồng vàng mơ của chủ điền, có lẽ cũng không vắng tiếng cú mèo nhưng ngày ấy ông chỉ biết bú, bú đến tưa tái núm vú vì dòng sữa đã nghẹn tắc trên cơ thể lạnh ngắt của mẹ. Ngày tháng Nghĩa bỏ ông đi, con cú mèo liên tục vỗ cánh và cú rũ trên cây đước trước nhà. Và bây giờ đây... Con cú mèo rời mắt khỏi ông và nhìn đăm đăm xuống mặt đất. Mặt đất sủi lên màu phèn, chỗ đậm chỗ nhạt như màu máu loang lổ. Ông tái người. Mặt đất cũng bỏ ông. Nó chỉ cưu mang ông khi ông chia lìa cuộc đời này, khi không còn yêu thương và chẳng biết đau khổ, cũng như nó cưu mang xương cốt cha mẹ ông, hình hài con ông. Con cú mèo vỗ cánh bay đi. Ông lê chân đi được mấy bước rồi khập khựng, lão đảo. Nỗi bất hạnh dồn dập đã vắt kiệt ông. Ông lại té sấp trên mặt rẫy đầy phèn, loang lổ. Và lần này, ông không gượng dậy nổi nữa. Ông vĩnh viễn chia lìa nỗi thống khổ và niềm hạnh phúc đón đau, đeo đẳng suốt một kiếp người...

Sau những tai họa liên tiếp đó, mẹ con bà Năm bỏ xóm rẫy, dắt díu nhau tìm

đất sống.

Khi tách xuồng khỏi bến, con Mực co chân phóng trở lại nền nhà cũ và chạy một mạch tìm đến hai nắm mộ nằm trơ trọi trên bờ rầy. Nó dí mõm vào mộ ông Mười, rồi mộ thằng Nghĩa, kêu ư ừ và lại cong đuôi theo chiếc xuồng từ từ tách bến. Thằng Hai rà xuồng lại, vẩy nó xuống xuồng. Nó luỳnh quỳnh chạy đi, chạy lại lên bờ. Nóng ruột vì nước ròng sát dần, thằng Hai chèo đi, bỏ lại sau tiếng tru não ruột của con Mực.

Mãi sau này, nhờ gặp lại người quen cũ ở xóm rầy, bà Năm được biết con Mực đêm đêm đã tru bi thiết suốt mấy tháng liền. Rồi người ta gặp cái xác còm cõi của nó cạnh hai ngôi mộ của cha con ông Mười đã ken nhiều lớp cỏ nước mặn. Và nữa, thanh minh năm nào mộ cha con ông Mười cũng được xóm rầy sửa sang, tuy trong năm nhiều lần bị đàn heo thả lan của Sáu Lê phá úi.

*

* *

Rất nhiều lần, bà Năm van nài con đưa bà về chôn cũ, đem hài cốt chồng con về đây, dù đi vất vả mấy ngày đường. Nhưng cả ba đứa đều trù trù. Con Ut tay bông, tay bé. Thằng Ba vợ con đùm đề, cơ ngơi đồ sộ. Thằng Hai ngổn ngang việc nước, việc nhà. Bà nán lòng chờ đợi. Và xót xa khi thấy càng trưởng thành, càng xa tuổi ấu thơ thì các con càng ít thuộc về bà. Càng ngày bà càng phải lệ thuộc vào chúng. Mệnh lệnh của bà chẳng còn hiệu lực nữa, nó chỉ như lời cầu nhàu, lảm nhảm và thường bà phải chấp nhận mệnh lệnh của con:

- Lo người sống trước đã!

Thằng Hai thường bảo bà như thế. Và khi thấy mẹ cứ lặng câm như cái bóng, nó bù đắp lòng hiếu thảo bằng cách thay một cái bàn thờ mới bằng gỗ

quý, chạm trổ công phu, cầu kỳ. Họạ lại tấm ảnh của ông Mười từ hồi nào hồi nào. Rồi cúng giỗ linh đình, khói nhang nghi ngút, khách khứa ì xèo.

Nhưng lần giỗ nào cũng vậy, bà muốn nhang khói đừng tan ra, cho bà đừng thấy rõ cái hình người lạ lắm. Khăn đóng, áo dài, ngồi bên bàn trà sang trọng ấy. Chồng bà chưa một ngày ung dung, chưa một lần mặc áo dài, chưa một phút có vẻ thỏa thuê, no đủ ấy.

Sợ phật lòng con, phải chờ cho khách về hết, như lúc này, bà mới đổi lại tấm hình cũ. Tuy ố vàng lỗ chỗ, bà vẫn nhận rõ ánh mắt ông. Ánh mắt kéo giữ bà lại hàng giờ: "Sao mình không đẻ cho tôi con Tinh?". Bà nghe câu trách móc đó từ ánh mắt. Và niềm nuối tiếc, ngày càng quấy đập dữ dội trong tuổi xế bóng của bà.

(*) Chùng nữa, con đi máy bay thiệt nghen!

Bích Ngân

Bích Ngân

Ba người đàn bà

Quyên lại sẩy thai. Chồng Quyên thất vọng ra mặt. Anh ta tỏ ra dửng dưng như thể tác giả của cái bào thai vừa rõ hình hài ấy là của ông hàng xóm.

Người hộ sinh có mái tóc điểm bạc, mang cái tên Hồng Lê trước ngực, thì khác, bà ân cần chăm sóc Quyên như một người ruột thịt.

Sau khi lướt qua thăm hỏi khắp lượt năm người đàn bà mang cái bụng kèn càng chờ giờ khai hoa nở nhụy, bà Lê lại đến với Quyên. Bà ngồi xuống mép giường, hỏi chị có đỡ đau và có thể chườm nước ấm chỗ bụng được chưa? Quyên trả lời: cái đau vẫn còn bám chặt bụng da, còn chườm nước thì từ từ, chờ mẹ chị từ Cần Thơ lên thăm. Chị cũng không giấu cái cảm giác đói, muốn được ăn hay uống chút gì.

Lúc đó, chồng Quyên xách cái cà mèn đựng thức ăn bước vào. Không biết vô tình hay cố ý, anh ta đặt cà mèn một cái "cạch" lên góc tủ sát đầu nằm của vợ. Đứng lựng bụng và nhìn lơ láo một chút, anh ta quay lưng, bước thẳng ra cửa. Quyên biết, với anh ta, những lúc như thế này, đám bia bọt có sức lôi kéo mạnh hơn. Quyên chỏi tay định chồm dậy. Chị muốn dằn hắt, muốn nói một lời độc địa, muốn gào lên một tiếng... Cánh tay Quyên nặng trĩch không đưa cao được. Cái miệng khô khát cũng không thốt nổi lời nào. Chị chỉ đủ sức vói tay, đẩy cái cà mèn ra xa một chút và nuốt cục tức xuống ngực.

Bà Lê pha cho Quyên một ly sữa. Uống được nửa ly sữa, Quyên nằm xuống. Chị không sao duỗi thẳng được đôi chân, phải dựng đầu gối lên, cái đau âm âm lan khắp người. Bà Lê gấp cái mền làm tám lần lên bụng Quyên. Trước khi đi, bà bảo Quyên ráng chợp mắt một chút.

Chừng non một tiếng sau, bà Lê quay lại. Tay bà cầm một cái ca nhựa có nắp đầy màu đỏ và chai nước ấm ủ trong chiếc khăn bông. Bà đặt cái ca đỏ cạnh cái cà mèn nguội lạnh và chai nước dưới chân Quyên. Bà đỡ Quyên ngồi dậy, để chị tựa lưng vào chiếc gối mềm kê sát tường. Bà múc ra lưng chén cháo thơm nức tiêu hành đưa cho Quyên. Bụng chén cháo, khói nóng bốc lên, mùi thơm bốc lên, không chút e dè, chị vừa thổi vừa húp ngon lành.

Bà Lê lấy khăn chặm mồ hôi rịn ra trán, mặt, cổ Quyên. Cử chỉ chăm chút ấy làm Quyên muốn nghẹn. Chị đặt cái chén cạn cháo xuống, ngập ngừng:

- Chắc cô cũng có... con gái?

Bà Lê như không nghe câu hỏi của Quyên, chậm rãi múc thêm cháo vào chén đưa cho chị, nói:

- Một lần sẩy bằng bảy lần đẻ, cháu ráng ăn để lấy lại sức!

Quyên nhảm tính: "Bốn lần sẩy bằng" "28 lần". Chị rùng mình, muống cháo ngắc ngứ chỗ cổ. Cái bụng chữa giường bên cạnh có lẽ sắp leo lên bàn sinh. Chị ta kêu oai oái, mặt mũi đau đớn thảm hại trông như người không may bị nạn hơn là người sắp làm tròn cái thiên chức mà người đàn bà nào ở dưới gầm trời này cũng mong muốn. Bà Lê lật đật đứng lên, vội chạy đến với người đàn bà không biết kiềm nén cơn đau. Mấy phút sau, Quyên thấy bà Lê háp tấp theo sau chiếc băng ca cáng người đàn bà sang dãy nhà đối diện để vào phòng sinh.

Quyên lấy gòn nhét kín tai và lấy vuông khăn mỏng đắp kín mắt. Thật lâu, chị vẫn không chợp được mắt. Quyên bèn chòn kéo vuông khăn ra khỏi mắt và hé mắt nhìn một lượt khắp căn phòng lao nhao người thăm nuôi. Giường nào cũng có vài ba người đứng ngồi quanh người sắp đẻ. Họ nói, họ cười. Họ dỗ dành. Họ nâng niu. Họ trông đợi. Giường cạnh chị cũng đã có một người đàn bà chữa khác vừa đến. Đó là người đàn bà mặn mà nhan sắc, còn trẻ và được yêu chiều. Cô ta được chồng dìu đi từng bước một. Đi loanh quanh khắp phòng rồi đi ra cửa, đi thêm một đoạn hành lang rồi trở lại. Bước chân chậm chậm của họ tới tới lui lui. Đi một hồi coi bộ mỏi chân, người chồng dìu vợ trở lại giường, đặt vợ nằm xuống và nhẹ nhẹ xoa bóp chân tay vợ. Cô như sắp khóc: "Em mỏi quá!", đòi chồng đỡ dậy và tựa hẳn người vào đôi vai vạm vỡ của chồng. Một đôi vai che chở vững chãi mà Quyên khao khát có.

Quyên không nghĩ đến đôi vai lỏng không có lẽ đang là chỗ ngả ngón chốc lát của một ả nào đó trong một căn phòng sực mùi thuốc lá, bia rượu, nước hoa mà nghĩ đến đôi vai gầy của mẹ. Đôi vai có lúc tưởng không còn sức để gồng gánh. Đôi vai luôn là chỗ dựa duy nhất cho chị. Rồi Quyên cũng ngủ thiếp đi dù vùng bụng vẫn âm ỉ đau và tiếng xuýt xoa rên rỉ không ngớt ở chung quanh. Giấc ngủ mỗi một, chập chờn những giấc mơ bất an.

Quyên mơ thấy mẹ. Mẹ nhìn Quyên. Hình như bà không nhận ra con gái mình. Giữa chị và mẹ lớn vờn một làn sương mỏng như khói bếp. Bà đưa tay phả phả màn sương và ngoái lại nhìn Quyên một lần nữa, rồi lặng lẽ quay lưng bước xuống xuống. Mẹ không mặc chiếc áo bà ba màu tro quen thuộc. Mẹ mặc chiếc áo blue rộng thùng thình của bà Lê hộ lý. Mái tóc đen mượt của mẹ không búi cao mà lại cắt gọn như mái tóc của bà Lê. Đôi tay mẹ đẩy mái chèo. Chiếc xuồng như chiếc lá nhẹ lướt trên dòng sông lao xao sóng. Mẹ xa dần. Quyên chạy theo, chạy mãi theo cái chảm nhỏ trên dòng sông dài hun hút.

- Mẹ! - Quyên thảng thốt gọi.

- Con có sao không? - Mẹ Quyên cúi xuống bên con gái.

- Vậy mà con tưởng mình nằm mơ! - Quyên nhồm dậy, nhìn mẹ, nhìn túi xách còn đeo trên vai mẹ, mừng quỳnh - Sao mẹ lên sớm quá vậy?

- Biết con trông, mẹ đi xe 2 giờ sáng, tài xế chạy ẩu quá, mấy lần hôn vĩa lên mây, vái trời khẩn đất, tưởng không còn được gặp con!

Quyên đâm hoảng:

- Con năn nỉ mẹ hoài, mẹ đừng đi xe đêm. Mẹ có bề gì con biết làm sao!

- Đừng nịnh mẹ, con còn chồng, còn con, còn...

Thấy con gái lặng thinh, bà mẹ bỏ dở câu nói. Bà lấy chiếc khăn mềm nhúng vào chậu nước ấm được đổ ra từ phích nước, vắt nhẹ nhẹ và đưa con gái lau mặt. Lau xong, Quyên được mẹ diu vào buồng vệ sinh. Mẹ đỡ chỉ ngồi lên

bàn cầu, âu yếm vỗ vỗ vào cái mông trần của con gái. Quyên ngồi trong đó một hồi, nước mắt rân rân. Thương thân ít, thương mẹ nhiều. Khi được mẹ dìu trở lại giường. Quyên kéo tay mẹ:

- Liệu con còn cơ hội được làm mẹ không mẹ?

Mẹ dẫn đo rồi nói:

- Bốn lần sảy là có cái gì đó không bình thường, lần này khoẻ lại mẹ đưa con tìm bác sĩ giỏi để trị, chớ không có con chồng con không chịu được đâu!

Nhìn gương mặt rầu rầu của mẹ, Quyên thương mẹ quặn thắt ruột gan. Lúc nào mẹ cũng nghĩ đến người chồng và đặt cái vị trí độc tôn của người đàn ông lên cao hơn hết thảy, dù bà đã phải trả giá về sự hy sinh đó. Ba Quyên đã rời bỏ người vợ quá chu toàn để đến với một người đàn bà khác mà theo lời mẹ người đàn bà đó kém bà về nhan sắc, thua bà tài nội trợ; chỉ khác mẹ là bà ta đến với ba Quyên với tư cách của một người bạn tình chứ không phải là một con hầu. Mẹ hận ba. Lúc ba nằm trong quan tài, mẹ cũng không tha thứ cho ba và trừng phạt cái người đàn bà đã dám toòng teng với chồng bà bằng cách cấm cửa, không cho bà ta bén mảng đến đám tang của ông. Chính tay bà vật sạch bó hoa lạ đặt bên mộ ba mà bà nghi là của người đàn bà đã đánh cắp tình yêu của người. Mẹ hận ba, hận người đàn bà ấy và dồn hết yêu thương cho chị em Quyên.

Má có một lũ con mà ba...

Biết lẽ lời, Quyên im bật.

- Ba con thì khác!

Từ khác mẹ Quyên hạ giọng, nói nhỏ, nhẹ và rất khác. Quyên nhìn sững mẹ, lẩy làm ngạc nhiên. Trong giọng nói, như thể mẹ còn muốn thanh minh cho ba, biện hộ cho ba. Giọng nói mẹ dường như còn hàm chứa cái mong muốn được khôi phục lại cái hình ảnh người cha đã méo mó đi phần nào trong tình cảm của các con, lòng tự trọng của người mẹ bị tổn thương. Quyên đưa tay

mân mê làn da nổi gân xanh nơi mu bàn tay của mẹ, muốn nói với mẹ cái điều chị lờ mờ cảm nhận. Một bàn tay mẹ đặt lên tay Quyên. Chị lại do dự không nói được cái điều muốn nói mà lại buột miệng:

- Mẹ, con đói! - Quyên thấy mình vùi vĩnh như đứa trẻ lên năm.- áy chết, mẹ quên, trời sáng bạch này giờ rồi, để mẹ đi mua cái gì cho con ăn!- Cả mẹ nữa, chắc mẹ còn đói hơn con!- ờ phải, bụng mẹ cũng đánh lô tô rồi - Mẹ Quyên đứng lên, kéo kéo sửa sửa áo quần cho ngay ngắn rồi xằng xái bước ra khỏi cửa.Nắng sớm tràn đến dãy hành lang hẹp, nơi đã lao xao tiếng nói, bước chân của người thăm nuôi. Bà Lê bước vào cửa phòng, tay xách chiếc cà mèn thức ăn. Đến chỗ giường Quyên, bà Lê đặt cái cà mèn lên đầu tủ và hỏi:

- Đêm qua cháu khó ngủ lắm phải không?

Bà Lê vừa hỏi vừa múc cháo ra chén cho Quyên. Mẹ Quyên trở vào, tay linh kính thức ăn. Quyên chưa kịp giới thiệu với mẹ về người hộ lý đã ân cần chăm sóc chị thì đã nghe tiếng nói như rít của mẹ:

- Thì ra là cô! Đúng là trời cao thiếu mắt! Tôi tưởng cô đã...

- Mẹ, cô ấy đã rất tốt đối với con!

- Phải, tốt đến nỗi đã giết chết ba con!

- Ba con chết vì tai nạn...

- Nếu không phải vì người đàn bà này thì ba con đâu phải học tốc lên xe đi đêm hôm để phải chết thê thảm giữa đường giữa xá...

- Mẹ, đừng nói nữa, người ta nghe thấy!

- Thì đã sao nào...

Căm hận còn bốc lên ngàn ngút. Quyên không ngờ thù hận chỉ trong một phút chốc đã biến người mẹ hiền dịu chịu thương chịu khó của cô trở thành kẻ lạnh lùng đáng sợ.

- Xin chị bớt giận! Em có lỗi với chị, có lỗi với cháu đây nhưng nhưng em

thương anh ấy và anh ấy cũng thiệt lòng.

- Thiệt lòng! Mẹ Quyên bĩu môi, cười gằn - cũng may là cô không đẻ đái được!

Quyên nhăn mặt. Sao mẹ có thể ác miệng độc mồm đến thế? Chị nhói lòng: "Con gái mẹ đây chẳng biết đang may hay rủi!". Đời dường như là thế! Luôn là cuộc đánh đố nghiệt ngã. May và rủi, được và mất, phúc và họa... không ngừng đuổi bắt nhau, đổi chỗ cho nhau.

Quyên nhìn bà Lê mặt mày tái xanh, lủi thủi, vừa đi vừa khóc; chị thấy giận mẹ đến... no ngang. Chị đẩy thức ăn của mẹ mua ra xa:

- Con nuốt không nổi!

- Mày không thèm ăn thức ăn tao mua thì mày cũng không được đụng đến chén cháo này!

Mẹ Quyên đột ngột thay đổi cách xưng hô với con gái và bung chén cháo còn bốc khói đổ ụp vào cái xô vệ sinh để dưới gầm giường.

Quyên không nỡ nhìn thù hận giương móng vuốt cào cấu giằng xé người vợ không nguôi tình yêu đối với chồng, ngay cả khi bị ruồng bỏ. Chị rót ly nước đưa cho mẹ:

- Con biết mẹ không thể quên được nhưng... nhưng mẹ có thể tha thứ mà, hơn nữa cô ấy cũng đau khổ, đơn độc và yêu thương ba con thiệt lòng.

Khi nói với mẹ điều đó, Quyên chợt tự hỏi: Liệu mình có quên được cái thái độ thất vọng không cần che đậy của chồng và cả việc anh ta bỏ mặc vợ một mình... vượt cạn. Liệu chị có bỏ qua, có tha thứ được cái nỗi đau có lẽ còn đeo bám suốt cuộc hành trình số kiếp.

- Mẹ cũng muốn như thế lắm nhưng...

Mẹ Quyên không nói hết câu. Đôi môi rung lên, nước mắt trào ra, bà gục đầu vào vai con gái. Quyên giữ yên đầu mẹ trên vai mình và để cho bà được thoải mái khóc, không màng đến những đôi mắt tò mò quanh đó./.

Bích Ngân

Hồ đêm thăm thăm

Thư nhận phòng. Phòng có chiếc giường đôi và mọi vật dụng khác đều có đôi. Thư bấm điện thoại, nói với tiếp tân: "Tôi chỉ ở một mình...". Giọng cô tiếp tân ngọt ngào: "Ban tổ chức hội thảo đã đặt phòng, chị chịu khó nhé!". Thư gác điện thoại. Nhìn ngắm căn phòng, Thư mỉm cười. Lần đầu tiên, cô biết đến cái cảm giác "chịu khó" này.

Chịu khó vì được sở hữu miễn phí một căn phòng sang trọng mà tiền thuê một đêm chắc mất đứt một tuần lương của cô. Thư mở va-li, treo quần áo vào tủ, đem các thứ đồ dùng cá nhân vào buồng tắm. Xem ra, sự chuẩn bị chu đáo của Thư thành ra thừa. Buồng tắm còn có cả dụng cụ cạo... râu. Tuy vậy, theo thói quen, Thư dùng sữa tắm mình mang theo. Đó là loại sữa Johnson s thường dùng cho trẻ con. Cô lại thích làm... trẻ con khi tắm.

Mùi sữa tắm dịu dịu, nước âm âm, cô nhắm mắt, cứ để vòi nước hoa sen thỏa sức gọi rửa. Sau đó Thư ngâm mình trong bồn tắm, tận hưởng cảm giác thư thái, thứ cảm giác không có được lúc ở nhà, dù là khi tắm. Lúc nào cũng có cái gì đó chờ đợi, níu kéo, xô đẩy, dù nhiều lúc chỉ là những hình ảnh

vùng vàng không chịu lướt qua, những ý nghĩ không đầu không đuôi, những dự định dang dở hay những mơ tưởng trên trời dưới đất.

Bước ra khỏi phòng tắm, sạch sẽ, thơm tho, Thư chải tóc, thoa một chút kem, bôi một tí son. Nhìn vào gương, Thư bắt gặp một cái nhìn vô định, phảng phất nỗi đìu hiu của mặt hồ tĩnh lặng không một dáng liễu, một bóng mây. Thư dịch ra khỏi mặt gương, với lấy remote, bật ti vi. Một bộ phim truyền hình đang chiếu dở. Những gương mặt đẹp, quần áo hợp thời trang, căn phòng với nội thất sang trọng nhưng diễn xuất và lời thoại lại giả. Thư bấm sang kênh khác. Trận đấu giữa đội bóng nào đó với đội Argentina. Thư nhận ra đội Argentina bởi những chiếc áo sọc xanh - trắng quen thuộc mà Maradona từng mặc.

Maradona, một cái tên, một chân sút, một cuộc đời tỏa sáng và cuốn hút như một khối nam châm. Anh ta từng là nguyên nhân gây nên những bất hòa giữa Thư và Khiêm. Maradona trở thành thần tượng của Khiêm bất kể việc anh ta nghiện ngập, có con rơi và đôi lúc dùng tay chơi bóng. Thư thì không chịu nổi cái kiểu chơi bóng hùng hục thực dụng của anh ta và nhất là cái cách Khiêm hâm mộ quá cuồng nhiệt đến độ biến dạng cả giọng nói và khuôn mặt mỗi khi Maradona xuất hiện trên sân cỏ.

Thư tắt ti vi. Nỗi nhớ ùa về. Thư cầm điện thoại, lưỡng lự một hồi rồi bấm số máy của Khiêm. Không có tín hiệu chờ. Thư bấm lại những con số. Lại không liên lạc được. Thư lại bấm những con số. Số máy lại không có thật. Thư bấm tiếp những con số và thấy ớn lạnh vì sự khước từ, trước nhất là của trí nhớ.

Thư không chịu nổi ý nghĩ tất cả rồi cũng sẽ bị vùi lấp, mất hút và rơi vào lãng quên, dù đó là cả một miền ký ức, là một phần đời của mình. Thư thấy pháp phông trước cái nguy cơ dẫn đến sự lãng quên và càng không chịu nổi nếu đó là sự lãng quên của chính mình. Rồi cô cảm thấy sợ. Sợ sự lãng quên... Cô lật đật bấm điện thoại, gọi cho mấy đứa bạn từng chơi thân..

Mấy đứa bạn, dường như chúng chẳng quên điều gì, từ những chuyện vặt vãnh bấp bực kim chỉ đến chuyện hơn thua ganh ghét giận hờn khi gặp lại nhau tại ngôi nhà của Thùy.

Ngôi trong phòng khách sang trọng ắp ám và ngát hương hoa - hoa còn được cắm tinh tươm trong mỗi phòng toa-lét, lại khiến cả bọn nhớ lại những tháng ngày cơm rau chắt vạt khi cùng nhau học dưới một ngôi trường. Một ngôi trường năng khiếu nhưng lại nhọc nhằn mọc lên từ một cái trũng ngập nước. Một cái hội trường nhỏ chứa vài mươi người nối liền với khu nội trú, tất cả được mọc lên từ một phần của ao rau muống.

Và cũng bởi vì khu nội trú chỉ một phần được nâng cao, được đúc bê-tông, được xây tường, được chia thành từng ô hình vuông (mỗi đứa sung sướng được sở hữu chín mét vuông trong hơn một ngàn ngày đêm theo học) nên mỗi năm, năm bảy lần, nước từ mặt ao dềnh lên. Nước vừa có màu vừa có mùi từ dòng Tô Lịch dật dừ chảy. Tất cả ngập ngụa. Bọn con trai cởi quần dài, ngay chiếc quần đùi cũng phải lấy dây thun cột lại ống cho bớt... rộng. Còn bọn con gái xắn quần tận bẹn. Bì bà bì bõm. Mang vác. Coi lên. Xoong nồi sách vở bút mực quần áo để hết trên ghé. Ghé được đặt lên bàn. Bàn được kê lên giường. Mỗi lần nước dềnh lên, Khiêm lại sốt sắng làm nhiệm vụ của một tay thợ điện. Anh mang kèm mang búa nhỏ nhỏ đóng đóng, nâng

tất cả các ổ điện của từng phòng lên cao khỏi mặt nước. Và với khả năng rập nối vặn xoay của Khiêm, không một căn phòng nào bị mất điện. Mọi người vẫn nấu nấu nướng nướng dù phải đặt những cái bếp điện lò xo rực đỏ nằm chênh vênh trên những cái ghế ngấm nước.

"Mỗi khi nước rút, kiểm lại, bọn mình đũa nào cũng bị thiếu mất cái gì đó!", chủ nhà mặt mày tươi rói, vừa cắm thêm những bông hoa lys trắng muốt vào chiếc bình pha-lê, vừa nói. "Có lần tao tìm lại được một chiếc dép nhựa nhưng từ màu trắng nó đã ngả sang màu rêu", Xuân, đũa bạn mau mồm mau miệng, nói. "Tao nhớ lần nào nước cũng cuốn theo những bông hồng khô héo của mày!", Vy, đũa bạn có đôi mắt lúc nào cũng buồn như chực khóc, nhớ lại. Đó là những bông hoa Khiêm mua từ những gánh hoa còn đặt trên vai hoặc vừa được đặt xuống lề đường, những bông hoa còn đẫm hơi sương. Thư tung tiu chúng cho đến lúc tàn, cô cũng không nỡ bỏ đi. Cô phơi khô và giữ lại. Vậy mà những lần nước dâng, khi coi bàn coi ghế, Thư lại vô ý làm chúng ngấm nước, vật vờ. "Còn tao, tiếc nhất là chiếc bút máy mẹ tao tặng hồi năm lớp mười!", Vy, cất giọng băng khuâng. "Hình như có những thứ mình cứ tưởng không thể mất nhưng lại không bao giờ tìm thấy", giọng Thư nuối tiếc. Thùy nhìn bạn, trêu: "Mày không tìm thấy điều gì, tay Khiêm của mày à ? Đừng lo, hấn sẽ tới!". Thư chơi vơi. Cô không mong. Ngàn lần không mong cuộc chạm mặt bất ngờ này. Nhưng đã muộn. Chuông cửa reo. Thùy hớn hờ: "Linh chưa, vừa nhắc...". Bỏ lửng câu nói, chủ nhà lật đật chạy xuống cầu thang. Tiếng cửa mở. Tiếng chào hỏi. Tiếng bước chân.

Vừa nhìn thấy Thư, Khiêm sững lại. Dưới những ngọn đèn âm, Thư vẫn thấy gương mặt Khiêm tái đi. Không phải là dây rung của cảm xúc. Cũng không phải bởi sự quấy đập của ký ức. Cũng không phải những ấn ức thành

lĩnh bùng vỡ. Trần trụi hơn, giản đơn hơn, thường tình hơn, Khiêm thấy lòng tự ái bị cào xé. Thư ngồi chết trân, sượng sùng. Thùy lên tiếng: "Sao hai người chẳng nói gì với nhau?". "Bọn mình lúc nào chẳng nói với nhau!", Khiêm vặn lại. "Thế cơ à? Hạnh phúc nhi?", giọng xia xói trêu đùa của Xuân. "Bọn mình lúc nào mà chẳng hạnh phúc!". Giọng tỉnh rụi, trơn tru của Khiêm như đẩy Thư ra thật xa. Khiêm đang cố khoác cho mình chiếc áo hạnh phúc, dù hơn ai hết anh biết chiếc áo ấy đã cũ, đã quá chật và có lẽ cũng đang rách nát.

Thư thấy như ngứa ngáy vì những mảng áo đang mục rữa. Cô lấy cái móng tay được tũa tốt sắc nhọn cào một cái thật mạnh vào da thịt mình. Thư vừa cảm thấy cái đau rát rạt trên da thịt thì phòng khách của Thùy có thêm một người khách. Thoạt tiên, Thư ngờ ngợ. Rồi cô đứng phắt dậy, la lên: "Thằng quý, mày thay đôi quá làm chị suýt không nhận ra!".

Trọng tâm chú ý dồn sang Hữu, đứa em út của khóa học đang là một doanh nhân thành đạt. Sự thành đạt của Hữu không chỉ được biểu hiện ở giá trị vật chất của chiếc đồng hồ đeo tay, chiếc điện thoại đang cầm, chiếc ô tô đậu trước cửa nhà Thùy mà còn bằng sự mạnh mẽ tự tin trong nụ cười, trong ánh mắt, trong cái siết tay thật chặt và cả sự chân thành với quãng đời khốn khó ngày nào của mình.

Ngày nào, tức cách đây gần hai chục năm, cái khóa học trên hai chục người ấy, tất cả đều nghèo, mỗi người nghèo một cảnh. Nhà Hữu cách trường học chỉ hơn 50 cây số nên chiều thứ bảy nào Hữu cũng nôn nả đạp xe về và chiều chủ nhật lại còng lưng chở bao khoai sắn rau củ lên trường.

"Em vẫn còn thềm những củ sắn lùi !", Hữu nói và cầm chai rượu mình đem đến, rót vào từng ly và nâng ly mời.

Những bữa tiệc sắn lùi ngày ấy sao thịnh soạn và vui ! Ngồi quanh bếp lửa bập bùng, khoai lùi được bóc ra, ngọt bùi, thơm phức, rồi trò chuyện, trêu đùa, đàn, hát và nhiều lần, những bài thơ được đọc. Thịnh thoảng, Khiêm đọc thơ mình. Giọng anh, thơ anh như có ma lực. Thiết tha. Say đắm. Có những bài thơ Khiêm viết cho Thu và cho chính họ. Hữu nhìn Khiêm: "Em vẫn mê giọng đọc thơ của anh !". Khiêm cười to: "Nói như thế là hạ thấp anh chú mày, phải mê cả thơ và người thơ nữa chứ !". Hữu cũng cười to không kém gì Khiêm: "Em mê tất !". Bà chủ nhà vồn vã gấp thức ăn vào chén cho từng người, phụ họa: "Bọn này cũng như Hữu, mê tất !" và đề nghị Khiêm đọc lại bài thơ đã từng khiến khoai lùi thơm hơn, bếp lửa ấm hơn và mặt mày bọn con gái cũng rõ ràng hơn. Khiêm thoái thác. Anh nói: "Thời bây giờ ai còn hứng đọc thơ, nghe thơ !". "Vậy thời bây giờ người ta hứng cái gì ?" , Vy hỏi. "Thiếu gì cái hứng khác, như hứng làm giàu chẳng hạn !", Khiêm đáp ngay và quay sang Hữu: "Anh chú mày nói có đúng không ?". Hữu lấp lửng: "Muốn đến nơi đến chốn thì làm cái gì cũng phải có hứng!". Cả bọn đàn bà gằn như cùng một lúc lờm Hữu: "Thằng ranh này!". Hữu cũng không vừa: "Sống cùng với các anh các chị chừng đó năm có muốn làm thằng khờ cũng không được!". Những ly rượu sóng sánh được nâng lên. Một lát sau, khi chút men thấm vào máu, ai cũng hào hứng, nói nhiều hơn nghe.

Và nói gì thì nói, cuối cùng cũng quay lại đề tài làm giàu. Hữu nói: "Giàu nhanh thì phải biết buôn bán, dĩ nhiên là không phải mua bán những cái mẹt văn chương - Hữu đỏ mặt thấy mình lỡ lời, vội đưa cả hai tay về phía Thu và

những người bạn của Thu - Em xin lỗi các anh chị - Hữu chậm rãi - Em... em không phải không coi trọng tài năng của các anh các chị, nhưng... nói như một nhà thơ nào đó, là dường như những người cầm bút như các anh các chị là... là chưa đủ cô đơn cho sáng tạo". Khiêm chen vào: "Chú mày thế mà khá!". Xuân hưởng ứng: "Bọn này cũng quá mệt mỏi vì cô đơn, nhất là cô đơn nửa vời, cứ lơ lơ lửng lửng, buồn không ra buồn, vui không ra vui, yêu không ra yêu, ghét không ra ghét, không đẩy cái gì cho đến tận cùng được, Hữu ạ!". Hữu dứt khoát: "Vậy thì làm như em, rút bút đi!". Vy chen vào: "Không rút được mới khổ, cứ phải bày bán nỗi đau của mình!".

Đang nói, Hữu dừng lại và trả lời điện thoại. Nói xong, Hữu quay lại: "Em thắng một vụ nữa, rất hời!". "Nhà đất à?", Xuân hỏi. Hữu đưa ly rượu về phía mọi người và uống cạn: "Một ngôi biệt thự ở cạnh bờ hồ, chưa đầy 6 tháng em đã lời trên một tỉ". Khiêm nói: "Vậy chú mày giúp anh bán một nền nhà cũng ở cạnh một bờ hồ". "Cạnh bờ hồ sao anh Khiêm không xây nhà ở", chủ nhà lên tiếng. "Nếu xây thì cũng chỉ xây được nhà ống như cái nhà mình đang ở - Khiêm lướt mắt quanh phòng khách - mà mình muốn xây cái nhà to hơn nhà này nữa cơ". "Anh định bán bao nhiêu?", Hữu hỏi. "Có người đã trả trên 3 tỉ!". Hữu hỏi dồn: "Hồ nào?"...

Thu không thể giả vờ chăm chú lắng nghe, nhưng cũng không thể sẵn sỏ bỏ về. Cô cứ nhấp nha nhấp nhồm như ngồi trên đồng lửa. Đôi lần Thu xen vào, xa gần đưa đẩy sự chú ý của mọi người sang đề tài khác; nhưng đất đai, nhà cửa, những cơ hội làm ăn lại có sức hút như đôi chân điệu nghệ của Maradona trên sân cỏ ngày nào. Và Khiêm, một người vốn đầy lòng kiêu hãnh, khao khát sự thanh cao cũng đã cuốn vào đó với tất cả mặc cảm của người vừa thành công vừa thất bại vừa đầy tự ti mặc cảm lẫn tự tôn mặc cảm

- thứ mặc cảm đeo bám thường trực nơi kẻ chơi với đuôi bắt khát vọng; anh đã cuốn vào đó, lạc vào vào đó và có lẽ đã mất hút trong cái thú đau thương của một người đã vượt mất niềm tin và anh đang đắp điểm nó thay cho nỗi say đắm thơ, say đắm yêu, say đắm kiếm tìm mặc dù mặt anh lúc này như phớt lờ tất thảy.

Vẻ phớt lờ cũng không mất đi khi Khiêm bảo Thư ngồi lên xe để anh đưa về khách sạn nơi cô đang ở. Khi ngồi lên yên xe, Thư biết một lần nữa, trước mắt bè bạn thân quen, cô phải tiếp tục đóng vai một người tình hạnh phúc. Khi ô tô đi ngang qua Thư và Khiêm, Hữu pha đèn, nhấn kèn và đưa tay vẫy vẫy. Khiêm nhìn theo Hữu, nói: "Thằng bé thế mà giỏi!". "Anh cũng giỏi đến mức em không thể ngờ!", Thư cố giữ giọng nhỏ nhẹ. Khiêm cho xe đi chậm lại: "Anh tiếc là mình đã bỏ qua biết bao nhiêu cơ hội!". "Sao lại phải bỏ qua?", Thư thấy giọng mình trở lại bình thường. "Vì anh đã bỏ mất quá nhiều thời gian cho thơ phú - ba cái trò vớ va vớ vẩn". Thư thấy trái tim trong lồng ngực như còn lên: "Kể cả những bài thơ anh viết cho em...?" nhưng cô ghim lại và đẩy câu hỏi đón đau đó vào cái góc khuất tăm tối nào đó trong tim. Trời lất phất mưa. Gió quất ràn rạt. Lá xanh lá vàng rơi lả tả trên mặt đường loang loáng nước. Thư lạnh. Lạnh đến phát run. Và ngộp. Ngộp trong cái áo mưa màu đen lũng nhùng và bít bùng của Khiêm. Thư chui đầu ra khỏi áo mưa. Đầu tóc mặt mũi cô đập dính mưa. Đầu lười Thư cũng thấm mưa. Những giọt mưa sót lại của mùa xuân thấm vào cổ họng khô rát của cô.

Xe lướt qua một cái hồ. Rồi một cái hồ nữa. Thành phố nơi Thư đang lưu lại, níu giữ chân người bởi những mặt hồ, nhất là những mặt hồ đêm. Chúng như những con mắt ướt. Ai lướt qua như một du khách xa lạ vẫn nhận ra

được vẻ long lanh dịu dàng của nó. Ai cảm nhận nó bằng con gió se sắt, bằng những gợn sóng tan vỡ tức tưởi bọt bèo, bằng cái ớn lạnh của thịt da và bằng dòng máu rần rật luân chuyển trong huyết quản sẽ thấy đó là những con mắt thăm thẳm, những con mắt đong đầy nỗi đau được mát. Lòng Thu thất lại khi nhận ra dáng vẻ quen quen của một mặt hồ. Những bóng cây đen sẫm, lơ thơ một vài bóng đèn, rải rác những chiếc ghế đá đọng nước nép dưới bóng cây xum xê. Mặt hồ như lung linh huyền ảo bởi muôn ngàn mảnh vỡ của sao trời và của thứ ánh sáng bị che khuất. Đó là mặt hồ quen thuộc, quen thuộc đến nỗi mỗi lần được nhìn thấy, mắt Thu lại rần rần cay xè, nơi từng khắc dấu ấn trong ký ức cô và Khiêm, nơi chứng kiến những buổi hẹn hò, những vòng tay xiết chặt, những nụ hôn tưởng không thể dứt ra được; nơi gần đó Khiêm đang có nền nhà đang rao bán.

Đưa Thu đến khách sạn, Khiêm gần như không nhìn Thu: "Em có mời anh một tách trà?". Thu cũng không dò tìm ánh mắt Khiêm, cô nói: "Anh về đi, đã quá muộn!". Khiêm nín lặng lên xe. Trước khi rồ máy, lao đi, Khiêm nói: "Anh biết, đã quá muộn!".

Trở về phòng, vẫn chưa quá muộn như Thu và cả Khiêm vừa nói. Tivi vẫn còn chương trình tin tức thế giới. Một nhạc sĩ lừng danh vừa đột ngột ra đi. Sự bất tử của một con người dường như còn ở ngay cái cách tiễn biệt nơi những người đang sống. Còn một mối tình, giọt nước mắt khô đau và hạnh phúc của nó có lẽ cũng chỉ làm long lanh thêm cho mặt hồ vốn lung linh, thăm thẳm.

Bích Ngân

Hơi ấm

- Không có thằng Phúc và em, anh đã không trụ lại ở thành phố này, nơi khiến anh thấy ngọt ngào.

Tứ thường lặp lại câu đó mỗi khi Thùy không chịu được sự phảng lảng của mặt hồ thiếu gió thiếu sóng, đã đổi hồn, trách móc và đôn người mình yêu tới... mép nước.

Và Thùy cũng biết, cho dù có bị đẩy xuống hồ, bị quăng xuống dòng chảy xiết hay hất nhào xuống biển cả, lúc ngoi lên khỏi mặt nước, bao giờ Tứ cũng giơ thằng Phúc lên cao nhất, đặt nó trước cô, trên cô bởi nó là con anh, là máu mủ của anh. Và còn bởi thằng Phúc mồ côi mẹ và nhiều lúc cô có cảm giác nó mồ côi cả cha.

Thùy nói cái cảm giác rờn rợn đó cho Tứ nghe. Anh yên lặng một hồi rồi nói:

- Biết làm sao được, anh quen sống một mình, ứng xử một mình, nhiều lúc có cảm xúc mà không biết biểu hiện.

- Anh nên gặp con trai thường hơn, mọi chuyện sẽ không đến nỗi khó khăn như anh tưởng.

- Em tin vậy à?

- Em tin và em cũng muốn gặp con anh.

Tứ ngần ngừ rồi nói:

- Từ lâu anh cũng muốn đưa em đến gặp thằng Phúc nhưng rồi lại phân vân, bởi sau cuộc gặp gỡ, ắt sẽ nảy sinh cảnh huống này: hoặc là sợi dây kết nối hoặc là bức tường ngăn cách. Mà anh thì không muốn bất cứ thứ gì có thể chen giữa anh và em.

- Anh vẫn nghĩ giữa anh và em vẫn còn... chỗ trống?

- Em à, chỗ trống hay khoảng cách là một cái gì đó vừa vô hình vừa bất định. Chỗ trống đó có thể thỉnh thoảng xuất hiện. Nó hiện diện ngay cả lúc mình nghĩ mình có nhau trọn vẹn, như có lúc nằm cạnh anh mà mắt em cứ đăm đăm nhìn vào một nơi nào đó như tìm kiếm ai đó.

Thùy cười cười:

- Biết đâu... lúc đó em đang hình dung gương mặt, dáng dấp của thằng Phúc...

Thùy thôi cười và bỏ ngang câu nói, trong đầu cô thoáng ý nghĩ nhớ con trai Tứ chỉ giống mẹ nó và biết đâu cũng bởi hình ảnh đó mà Tứ luôn đặt con ở vị trí số một trong sơ đồ tình cảm của mình. Tuy nhiên, Thùy vẫn hỏi:

- Thằng Phúc giống anh... nhiều không?

Cuộc đối thoại đưa đẩy đông dài không có lời đáp thỏa đáng và cũng sẽ không có hồi kết, nếu Tứ không nhượng bộ Thùy là sẽ đưa cô đến gặp thằng Phúc vào buổi chiều tại nhà bà ngoại nó.

2.

Cuộc hẹn gặp thằng nhóc 11 tuổi lại khiến Thùy bôn chôn. Cô không sao tập trung hoàn tất cái bản báo cáo hoạt động kinh doanh trình cho sếp như dự định, phải gác lại, tự nhủ sáng mai sẽ vào công ty sớm, làm cho xong chỗ còn lại.

Về nhà, Thùy tắm rửa qua loa nhưng lại đứng trước tủ áo quần thật lâu. Cô hình dung buổi gặp mặt sẽ rất khó khăn, cho cô và cho cả thằng Phúc. Nó sẽ khó chịu trước một người đàn bà xa lạ đang cận kề cha nó. Nó sẽ tỏ rõ thái độ, lườm lườm nhìn Thùy, trước tiên là những thứ dễ nhận ra từ dáng vẻ bên ngoài... Cô tần ngần. Mặc những cái áo thun cổ thuyền ôm vừa khít vóc dáng, Thùy thấy không hợp với một kẻ đang muốn được làm mẹ. Những cái áo sơ mi thì trông cô sẽ có dáng một cô giáo nghiêm nghị, khó tính. Mấy cái giả áo vét sẽ khiến cô khô cứng, cách biệt. Cuối cùng Thùy chọn mặc cái áo ngắn tay có in hình những bông cúc vàng, tuy hơi nổi một chút nhưng vui vui con mắt. Lúc thấy cô, Tứ la lên:

- Em mặc màu mè quá!

Miệng chê nhưng Thùy nhận thấy những giọt nắng long lanh nơi mắt Tứ và nụ cười rộng mở mà cô rất thích. Như vậy diện mạo cô chắc là không tệ. Ý nghĩ này khiến Thùy tìm thấy sự tự tin trong suốt quãng đường từ nhà cô đến gần ngôi nhà bà ngoại thằng Phúc, tức ngôi nhà mà mẹ thằng Phúc - người đàn bà từng thuộc về Tứ - đã sống và có lẽ cũng trút hơi thở cuối cùng ở nơi đó.

Ngôi nhà nằm sâu trong một con hẻm ngoằn ngoèo. Ngôi nhà nhỏ, mảnh sân nhỏ, lối đi cũng nhỏ. Định đẩy cổng cùng vào với Tứ, chợt Thùy nhận ra mình không phải là người khách được chào đón và cô cũng biết là mình không thể cùng Tứ ung dung bước qua khoảng sân hẹp trồng lúa thừa mấy bụi ớt, bụi quế, bụi sả tỏa hương hăng nồng để vào bên trong ngôi nhà, mặc dù cô tò mò muốn biết chỗ sinh sống của thằng Phúc và tận mắt nhìn cái không gian riêng biệt từng là của mẹ thằng Phúc và biết đâu cũng là cái không gian quen thuộc của Tứ. Cô chùng chình rồi dừng chân bên ngoài cổng.

Tứ bước vào sân. Một người đàn bà dong dỏng cao, lưng còn thẳng, tóc bạc

uốn loãn xoắn, mặt xương xương, bước ra khỏi khung cửa của ngôi nhà trông như một cái hộp thiếu sáng. Bà bước ra mái hiên, nói:

- Má nói con tới mà thằng Phúc còn mê chơi điện tử chưa thấy về.

- Nó chơi ở đâu, má ?

Thùy không ngạc nhiên khi nghe Tứ gọi người đàn bà đó bằng má, dù cô biết anh và mẹ thằng Phúc không được đứng trước bàn thờ tổ tiên, không hôn thú và trong những giây phút bị cái con đàn bà độc địa hờn ghen cựa quậy, Thùy đã dồn Tứ đến đường cùng khiến Tứ ậm ự thú nhận, rằng, anh đến với mẹ thằng Phúc trong... cơn say.

Buông thả trong men rượu - là sự thật hay chóng đờ, với Thùy, cô chẳng thấy bận tâm và cũng không còn mấy ý nghĩa. Điều có ý nghĩa và đôi lúc lại trở nên quan trọng là lòng tự phụ của cô được môn trớn, vượt ve. Rằng chỉ có cô mới đem đến cho Tứ sự xúc động chân thành. Và cũng vì sự chân thành ấy mà cô cũng sống chân thành, ngay cả việc chân thành muốn được làm mẹ đứa con của người đàn ông mình yêu.

- Ở chỗ mấy cái tiệm nét niếc gì đó ngoài đường - Bà ngoại thằng Phúc buông giọng thờ ơ.

Tứ quay đi. Chợt anh khựng lại khi nghe bà thằng Phúc gọi giật:

- Tứ nè!

Bà nói một mạch:

- Tháng này thằng Phúc gọi tổng đài tổng điếc gì đó tốn hết năm trăm ngàn. Tứ móc bóp đưa tiền cho bà. Thùy biết Tứ vẫn chu cấp chu đáo cho việc ăn học của thằng Phúc, kể cả tiền nuôi người coi sóc nó. Tuy nhiên, Thùy thấy cách đưa tiền của Tứ có cái gì đó sòng phẳng, lạnh lùng.

Bà thằng Phúc bỏ tiền vào túi áo, đi theo Tứ ra cổng. Kéo cánh cổng định khép lại, chợt thấy Thùy đứng đợi Tứ, bà dừng lại vài giây trước khi kéo ập cánh cổng lại.

3.

Ngoài con đường chính có quá nhiều tiệm Internet. Những cửa hiệu san sát, ánh sáng của những bóng đèn nê ông gắn trên trần, trên tường đủ để Thùy nhìn được đám trẻ ngồi lô nhô trước những máy vi tính. Dừng lại mấy nơi, Tứ bảo Thùy ở ngoài trông xe, anh vào xem mặt từng đứa đang cầm cúi chat hoặc chơi game. Thùy cũng căng mắt nhìn theo đám nhóc ra vô ở mấy cửa tiệm. Cô vẫn tin thằng Phúc sẽ có dáng dấp của Tứ, hay ít ra cũng có nét mặt của Tứ.

Tim một hồi lâu không gặp thẳng con, Tứ chờ Thùy quay lại ngôi nhà bà ngoại thằng Phúc.

Bà thằng Phúc không ở nhà một mình. Có lẽ trong nhà nóng nên bà cùng ba người đàn bà luống tuổi nữa, đang ngồi trên chiếc chiếu trải rộng dưới mái hiên. Họ đang xòe những lá bài tứ sắc trong tay. Tứ gỡ nón, bước vào, hỏi:

- Thằng Phúc về chưa, má?

Bà thằng Phúc ngược mặt lên:

- Chưa!

Rồi bà liền quay lại sòng bài. Nhìn bộ dạng quá tập trung vào những lá bài xòe mở trong tay, Thùy đoán bà ta không chơi bài chỉ để khuây khỏa.

Tứ quay trở ra cổng, con giận đột ngột bốc lên. Anh quăng mạnh cái nón bảo hiểm vào giỏ xe, cái nón nhựa nảy tâng lên. Khi Thùy nhắc đội, anh chụp mạnh nón lên đầu.

Ngồi im sau lưng Tứ, Thùy hình dung phần nào tình cảnh của thằng Phúc khi sống với một người dưỡng nuôi có máu mê trò đen đỏ, dù đó là người bà ruột thịt. Cô buột miệng:

- Anh đặt tên cho thằng Phúc?

- Không, mẹ nó đặt.

- Lúc đó anh ở đâu?

- Rất xa.
- Đến lúc nào anh mới gặp thằng Phúc?
- Khi mẹ nó bệnh sắp mất.

Thùy im bật.

Trời hầm hập nóng. Mồ hôi ướt đẫm lưng áo sơ mi xám nhạt của Tứ. Cái lưng áo in hoa cúc của Thùy vàng sẫm lại, dấp dính mồ hôi. Người xe ngược xuôi đông nghịt, đường phố như hẹp thêm, hẹp đến mức, ngồi sau lưng Tứ, cô chỉ còn biết cầu mong đường đi không bị ùn tắc.

Len lỏi vượt qua được dòng người xe cuộn cuộn, Tứ và Thùy đều thấm mệt. Họ dừng lại và bước vào một quán cơm gần cửa kính bên đường.

Máy lạnh phả từng luồng hơi về phía Thùy và Tứ ngồi. Khăn ướp lạnh lau mặt lau cổ lau tay nhưng cái oi bức ngọt ngào vẫn còn khiến cả hai ngồi ngắc ngư trước các món ăn đã gọi.

Thùy uống nửa ly nước suối, rời mắt khỏi thức ăn, chuyển đến cái bồn kính nuôi cá cảnh đặt sát bức tường trước mặt. Đám cá rục rờ màu sắc đang nhón nhờ bơi lội trong cái lồng kính được tiếp ô xy. Thùy biết, chỉ cần rút cái ống dưỡng khí đó ra hoặc dời cái bồn nước khỏi căn phòng phả hơi lạnh, đặt dưới ánh mặt trời hùng hực và đám bụi mịn mù ngoài kia, bầy cá tung tăng kia sẽ nhợt nhạt, những lớp vảy óng ánh sẽ bong tróc sần sùi. Lũ cá sẽ lơ đờ, suy kiệt. Bất chợt, Thùy quay lại nói với Tứ:

- Trưa mai mình đón thằng Phúc ngay sau giờ học!

4.

Kế hoạch Thùy đưa ra có thay đổi một chút.

Lúc 11 giờ trưa Tứ đưa Thùy đến nhà hàng KFC gần trường thằng Phúc, còn anh đến trước cổng trường chờ hết giờ học đón nó.

Thùy chọn cái bàn đặt ở một góc còn vắng, nơi cách con đường trước mặt bởi lớp cửa kính trong suốt. Cô gọi một ly cà phê, ngồi chờ cha con Tứ.

Qua cửa kính, Thùy thấy Tứ dừng xe trước nhà hàng. Thằng Phúc vội nhảy xuống trước khi Tứ dắt xe lên lề. Lung đeo cái cặp to tướng, đầu đội nón súp xuống trán, trong bộ quần áo xanh trắng đồng phục trông nó thấp bé hơn Thùy hình dung. Tứ gọi xe, dẫn con đẩy cửa kính bước vào. Đưa thằng bé đến trước mặt Thùy, Tứ nói:

- Chào cô đi con!

Thằng bé chào Thùy bằng cái gật đầu thật nhanh, rồi quăng cái cặp lên chiếc ghế trống cạnh Thùy. Tứ ngồi vào ghế đối diện Thùy, thằng Phúc ngồi xuống cạnh cha. Sự có mặt của Thùy không làm thằng bé bất ngờ lẫn ngạc nhiên. Chắc dói, thằng Phúc cầm ngay tờ thực đơn và gọi đĩa cơm thịt bò.

Thùy nói:

- Ở nhà hàng này, con ăn gà rán ngon hơn cơm.

- Ăn cơm thích hơn! – Nó dứt khoát.

Tứ và Thùy cũng gọi cơm.

Lúc hai cha con Tứ ăn, Thùy thấy thằng Phúc khác cha quá. Tứ cao lớn vạm vỡ rắn rỏi, còn Phúc thấp gầy, da hơi xanh, chỉ có đôi mắt là to và sáng. Đôi mắt vừa thông minh vừa láu lỉnh vừa muốn tránh né cái nhìn của người đối diện khiến cô thấy thằng bé khản hơn tuổi. Nó cầm cúi ăn, chỉ một loáng đĩa cơm hết sạch. Thùy hỏi:

- Con ăn gì gọi thêm đi.

Nó nói ngay:

- Khoai tây lắc với kem.

- Từ “dạ - thưa” con bỏ đâu rồi hả Phúc? - Tứ nhắc con.

- Quen rồi!

Tứ nhìn Thùy. Cô hiểu anh muốn nói: “Con anh... vậy đó...”.

Lúc thằng Phúc nhai khoai và ăn kem, Tứ nhìn con trai từ đầu đến chân và lật đật cúi xuống kéo một chiếc giày sandal ra khỏi chân nó. Một vệt hằn

trên mu bàn chân thằng bé. Tứ khom thấp, sẫm soi cái vệt ung ửng đỏ, hỏi:

- Giày con bị chật hả?

- Cũng... chật chật.

- Sao con không đổi đôi khác?

- Bà ngoại nói hôm nào rảnh dẫn con ra chợ đổi đôi khác.

Thùy bắt gặp một ánh mắt khác của Tứ. Anh mở quai giày, loay hoay một hồi, nói rộng ra được một nấc rồi cài lại, bảo con trai:

- Con mang thử coi còn đau không?

Thằng bé xỏ chân vào giày:

- Cũng còn đau đau.

Thùy vội chen vào:

- Lát nữa ba với cô đưa con đi mua đôi khác.

Mắt thằng bé sáng lên:

- Mua đôi giày giống giày của thằng Quý ngồi cạnh con.

- Được rồi! - Tứ nói, rồi như sực nhớ, anh hỏi thằng bé: - Tháng này con gọi điện thoại cho ai mà nhiều vậy?

- Gọi tổng đài 108.

- Gọi làm gì?

- Nghe truyện cổ tích.

- Con nghe truyện gì?

- Nhiều lắm.

- Con thích truyện nào nhất?

- Truyện Cô bé bán diêm.

Không ai cật vấn thằng bé nữa. Nó thoát khỏi chỗ ngồi, chạy đến quầy mua thêm kem. Nhìn theo cái lưng gầy nhỏ của thằng Phúc, Thùy biết nó đang cần được sưởi ấm, không phải bằng đóm lửa của que diêm mà bằng hơi ấm của yêu thương. Cả Tứ và cô nữa, cũng đang khát khao điều đó.

BÍCH NGÂN
(SGGP Thứ Bảy)

Bích Ngân

Phía mặt trời

Ông Hậu thức giấc khi tiếng vạc ăn đêm còn kêu lác đác ngoài bờ biển. Ngủ ngon giấc trong căn phòng không cần máy điều hòa trên tầng bốn của một khách sạn ven biển khiến ông khoan khoái. Ông đến bên cửa sổ. Ngoài kia, biển vẫn một màu xanh đặc sánh. Xa hơn, những ngọn đèn đánh cá như những vì sao rơi trên mặt nước lung linh.

Chuông nhà thờ thông thả điểm bốn tiếng. Con đường ven biển đã có người chạy thể dục. Ông Hậu dõi mắt hướng ra xa khơi. Vùng biển phía ấy như nhạt hơn. Màu xanh đặc sánh dần dần nhường chỗ cho màu trắng phơn phớt rồi sáng dần, rõ dần. Một lúc sau trên nền trắng hoa huệ ấy là màu hồng.

Ông Hậu mãi ngắm bình minh, không để ý từ cổng khách sạn có một người phụ nữ đang dắt một đứa bé hướng ra phía biển, cho đến khi họ lẩn vào vùng hồng trước mặt. Đã ở đây hơn một tuần lễ, đã có ngàn ấy buổi chờ đợi khoảnh khắc đêm và ngày giao nhau, ông biết khách ngụ trong khách sạn này ít ai ra biển sớm như vậy. Người phụ nữ kia hẳn là người mới tới. Có lẽ đến từ tối hôm qua. À, mà có lẽ không đến từ tối. Bởi mỗi tối, ông vẫn thường ngồi ở quán bar cạnh phòng tiếp tân cho đến khuya. Ông tự nhiên và mạnh dạn bắt chuyện với những người khách trú cùng khách sạn. Khi uống

cùng nhau vài ba ly bia, bắt tay nhau đôi ba lần thì sự khác biệt về xứ sở, về ngôn ngữ, về màu da... không có gì là đáng kể. Ông gần như quen mặt hầu hết khách trọ ở đây. Vậy mà không rõ vì sao ông lại ngỡ ngàng và sững lại trước bóng dáng một người đàn bà xa lạ...

Ông thay đồ tắm, khoác lên mình chiếc khăn dài rộng phủ gần kín tấm thân trắng trẻo, các bắp thịt đã bắt đầu nhẽo, dấu hiệu tuổi tác của người đàn ông ở tuổi sáu mươi. Thân thể ấy thường được giữ ấm bằng len dạ ở một xứ sở miền Bắc Âu gần như lạnh quanh năm mà ông đang định cư. Với lương hưu vài ngàn đô la một tháng, những tưởng ông sẽ có một cuộc sống đầy đủ.

Nhưng càng ngày ông càng thấm thía sự khốn khó của kẻ chỉ sống phủ phê trên phương diện vật chất. Nỗi cô độc như lũ gián chui rúc mọi ngõ ngách và không ngừng gặm nhấm. Thường, ông trốn chạy nó bằng những chuyến du lịch. Để xê dịch, để gặp gỡ. Và dường như cái chính là để ngắm nhìn. Ngắm nhìn với đôi mắt thờ ơ của một kẻ không còn mong đợi hay khao khát điều gì. Mùa hè năm nay, ông rời xứ sở lạnh lẽo ấy về thăm quê và đang lưu lại miền biển tràn nắng ấm này.

Khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, ký ức bỗng như một cuộn len bị xổ ra đang lăn theo con đường nhọc nhằn của năm tháng. Nhiều lúc ông muốn chúng dừng ở đâu đó, thật lâu.

Ở đâu đó, một bên sông, một mái nhà... đôi khi ông thấy nôn nao, thấy thèm mùi bếp núc, thấy nhớ một giọng nói, một mái tóc, một làn da... và rõ hơn cả là khao khát sự dịu dàng.

Sự dịu dàng luôn hàm chứa thứ tình cảm trao dâng, nó khiến ông rung rung và làm ông thơ thẩn hàng giờ. Ông hết sức bối rối khi không ngăn được cái cảm xúc chột ào đến như một cơn lốc khi thấy bóng dáng của người đàn bà lùi thui dất đưa bé đi về phía biển trong thời khắc nhập nhoạng giữa ánh sáng và bóng tối. Cảm xúc ấy không rời khỏi ông, khiến ông phải phá lệ

uống cà phê trước lúc tắm biển, cố tìm cho ra tung tích người phụ nữ đó là ai...

Khi ông xuống đến bãi cát, người phụ nữ ấy đã bơi ra xa, về phía vàng sáng hình nan quạt ngày càng trải rộng, sáng hồng trước mặt. Cậu con trai đang nghịch cát một mình. Cho rằng đó là cơ hội tốt để hỏi về người mẹ, ông đến bên cậu bé:

- Cháu tên gì...?

Thằng bé như không nghe thấy tiếng ông, vẫn cúi xuống nghịch cát. Ông hỏi thêm lần nữa, giọng to hơn:

- Cháu tên gì...?

Thằng bé vẫn không ngược nhìn ông. Ông hơi phật lòng, định bỏ đi vì cái tội hỗn láo của nó thì bất ngờ thằng bé ngược lên. Không phải để nhìn ông. Một khuôn mặt khờ dại, vô hồn, mũi tẹt, đôi mắt ti hí như dính vào nhau. Và dù không hiểu biết nhiều về y học, ông Hậu cũng đoán ra được nó mắc bệnh Đào, một căn bệnh ngu đần ở nhiều trẻ nhỏ. Ông ái ngại nhìn thằng bé. Nhìn rất kỹ. Nó chừng bảy tuổi. Tóc vàng hoe. Da trắng bệch. Nó cứ moi tay xuống cát, không biết sẽ để làm gì. Nó như không hay biết sự có mặt của ông. Trong thoáng chốc, ông hình dung nổi nhọc nhằn, vất vả và cả cay đắng của người mẹ. Một người mẹ bất hạnh và đáng thương. Nghĩ như vậy, ông quyết định ngồi với thằng bé cho đến khi người phụ nữ bơi vào.

Biển đã đông người. Mặt trời như một quả cầu lửa nhô lên khỏi đám mây màu trắng bạc phía chân trời. Giữa bao người đang bơi lội nô đùa, ông không nhận ra người phụ nữ ấy ở đâu. Nhưng không hề gì. Ông sẽ ngồi bên thằng bé. Và ông thầm trách một người mẹ vô tâm, để đứa con bệnh hoạn chơi một mình trên biển. Trong lúc chờ đợi, ông vốc cát đắp cho nó một tòa lâu đài nho nhỏ...

Trong khi ông say sưa đắp tòa lâu đài, người phụ nữ đã đứng sau lưng ông.

Chị khoác lên người chiếc khăn rộng để che phần da thịt nõn nà trong bộ bikini hai mảnh. Linh cảm có người đang quan sát mình khiến ông ngoảnh lại và bắt gặp một đôi mắt to, sâu thẳm, mái tóc sũng ướt ôm lấy khuôn mặt trái xoan. Ông bối rối, gần như giật mình trước sự xuất hiện của chị. Và như để thanh minh, ông lên tiếng trước:

- Tôi tặng cậu bé tòa lâu đài này...!

Đến lượt chị bối rối. Ánh nắng buổi sáng soi rõ khuôn mặt đang hồng lên của chị. Chị cũng rơi vào tình trạng khó xử, không biết trả lời thế nào trước cử chỉ đẹp của người đàn ông mà chị chưa quen. Một tòa lâu đài, dù chỉ bằng cát nhưng được đắp bằng lòng mê say, bằng sự cảm thông dành cho một đứa trẻ bệnh tật và hoàn toàn xa lạ. Chị ứa nước mắt, đứng chôn chân một chỗ. Với chị, tòa lâu đài đó còn quý giá hơn cả tòa lâu đài bằng bạch kim và với sự vô giá của nó, chị không thể nói lời cảm ơn. Cuối cùng, chị chỉ ấp úng nói:

- Anh... anh... khéo tay quá...!

Ông Hậu cười. Nụ cười lịch lãm trước câu nói "lấy lòng" của chị. Ông dần lấy lại vẻ tự nhiên. Lòng ông rộn lên khi chị - là ông nghĩ thế - tặng ông nụ cười của một phụ nữ còn rất duyên dáng ở độ tuổi trên bốn mươi và một lời ban tặng về bàn tay khéo léo của mình. Ông đưa mắt ra phía biển, tránh nhìn vào đôi chân trắng trẻo, tròn lẳn lấm lấm cát của chị. Nhận ra sự lúng túng của ông, chị cười nói:

- Hình như... anh chưa xuống biển...?

- Vâng...

Chị lại cười, như khuyến khích:

- Vậy thì ta cùng bơi đi...!

Ông nhìn thẳng bé như muốn nói rằng, ông không muốn bỏ rơi nó.

- Không sao đâu - Chị nói - Nó sợ nước, chỉ thích nghịch cát trên bờ thôi

hà...

Thoáng ái ngại nhưng rồi ông cũng cùng chị xuống biển.

Mặt trời bắt đầu chói chang làm cho nước biển trở nên ấm áp. Chị bơi trước ông, bơi về phía những tia nắng lấp lánh trước mặt. Trước mắt chị, những chấm nắng chớp chớp như những vì sao tỏa sáng trên sóng. Chị bơi. Đôi mắt nhắm lại, thỉnh thoảng chớp chớp để no mắt những vì sao sáng trên biển.

Khoảng cách giữa chị và ông ngày càng xa. Ông, với sức lực của tuổi tác đã không theo kịp chị. Khi ngoảnh lại, chị giật mình thấy ông đang giang tay nằm thờ. Ông trôi lơ lờ. Những con sóng nâng ông trên mặt nước. Ông nhìn lên bầu trời màu ngọc bích và cảm giác chính màu xanh bao la của bầu trời đã nhuộm xanh biển cả.

Họ nằm tắm nắng. Chị đã bớt ngỡ ngàng, bỏ tấm khăn che, để lộ thân hình chắc khỏe. Thân hình ấy như đối nghịch với các cơ bắp đã ít nhiều nhẽo ra ở ông. Nắng khoác lên tấm chăn mỏng màu vàng, như kéo hai người lại gần hơn. Chị bắt chuyện:

- Mẹ con em vừa tới đây xé qua. Em thích biển lắm...

Ông vội nhồm vậ trước tiếng "em" bất ngờ từ chính miệng chị. Rồi ông nằm xuống, chậm rãi:

- Tôi ở đây được hơn tuần rồi. Tôi cũng rất thích biển...

Câu chuyện băng quơ của ông Hậu và người đàn bà mới quen về sóng nước mây trời, về những miền đất vừa lạ vừa quen mãi đến khi nắng lên cao.

Người tắm biển đã thưa dần. Ông muốn làm một cử chỉ gì đó để cảm ơn cuộc gặp gỡ ngoài sự mong đợi.

- Tôi mời mẹ con cô dùng bữa sáng !

Chị nhìn ông, đôi mắt ánh lên một niềm vui không giấu giếm:

- Em cảm ơn anh...! Anh cho mẹ con em mời anh...

Mắt ông vụt sáng, ông nhún vai:

- Thế cũng được... Nhưng chỉ lần này thôi nhé...

Chị mặc quần áo cho con, cùng ông trở lại khách sạn.

Những người khách ở trong cùng khách sạn coi nhau như người trong một nhà. Họ dễ dàng thân nhau qua những bữa cà phê sáng hay ly rượu khuya. Ông và chị là hai người được cả khách sạn đặc biệt chú ý. Cô tiếp tân, mỗi khi thấy ông trong bộ quần áo thể thao sáng sủa ra biển, nói đùa:

- Cháu thấy hình như bác trẻ ra...

Ông Hậu như cũng cảm thấy điều đó. Buổi sáng đầu tiên, ông khó nhọc mà vẫn không bơi theo kịp chị. Buổi sáng thứ hai, ông thuê một chiếc phao. Khi bơi ông đẩy chiếc phao đi trước. Đến lúc mệt, ông bám vào phao để nghỉ.

Chị trên đường bơi vào cũng bám nhờ phao ông. Sang buổi sáng thứ ba, hai người níu vào phao bơi ra tít ngoài xa. Ông nói với chị bằng tất cả lòng chân thành:

- Tôi thương thằng bé lắm!

Chị lặng người. Thằng bé, nổi đau đeo bám chị. Một vết thương chẳng bao giờ thành sẹo. Chị nói với ông, giọng trầm buồn:

- Cháu là đứa thứ hai của em. Đứa đầu sinh ra em không được thấy mặt vì lúc đó em kiệt sức, sau này em mới biết cháu không được lành lặn bình thường..

Như người sợ sóng, chị bám chặt vào phao, thở:

- Trước em sống trong vùng bị thả thuốc khai quang. Em còn may mắn hơn bà chị ruột kế em là em còn có bé Bi. Chị ấy hai lần sinh là hai lần không dám nhìn mặt con...

Chị buông phao, ngửa người, trôi lơ lửng như một cái xác. Ông lặng nhìn chị và đẩy chiếc phao hướng về phía chị. Ông đã nghe đã thấy điều khủng khiếp ấy qua phim ảnh qua báo chí còn đây là lần đầu ông được thấy nổi đau từ

mắt từ môi từ gương mặt từ thẳm sâu tâm hồn của một người đàn bà đẹp và bất hạnh. Cuộc chiến tranh đi qua đã gần ba mươi năm nhưng hậu quả của nó còn kéo dài không biết đến bao giờ. Nên, dù ông có an ủi chị bằng cách nào cũng không thể làm chị nguôi ngoai. Còn chị, hình như không kìm nén được cái nhu cầu muốn được chia sẻ, chị đưa tay cho ông nắm rồi vòng tay vào chiếc phao thờ một hồi rồi tiếp:

- Chồng em đã không chịu đựng những cú sốc liên tiếp và cũng không chịu được sự ngây dại của thằng bé, anh ấy muốn... - chị dừng lại như nghẹn lời, hồi lâu mới nói tiếp - Em đã không thể chấp nhận nên đành phải chia tay, dù biết cái lỗi ở anh ấy chỉ là không đủ lòng yêu thương...

Những giọt nước mắt trên khuôn mặt chị được nắng sớm chiếu vào, long lanh như những hạt ngọc trên má. Như để trút đi nỗi cay đắng của mình, chị thả phao, bơi tiếp ra xa. Nước mắt hòa vào nước biển. Chị bơi về phía mặt trời đang ngày một lên cao. Ông cũng buông phao, bơi theo chị. Chiếc phao bồng bênh trên sóng. Mãi khi chạm được vào người chị, ông nhô lên khỏi sóng, nói:

- Ta vào đi, em!

Chị ngỡ mình nghe nhầm. Tiếng " em" thoảng trong tiếng sóng. Nhưng chị lại nghe rất rõ. Từ ngày chia tay chồng, đây là lần đầu tiên chị nghe được một tiếng em gần gũi, thân thương đến thế. Chị thấy tim mình đập mạnh.

Khách sạn tổ chức cho khách thăm khu rừng nguyên sinh. Ông và chị dắt bé Bi đi cùng. Suốt gần hai tuần nay, ba người họ đi đâu cũng có nhau. Trong khoảng rừng lùm đóm những chấm nắng tròn, ông và chị ngả mình trên thảm cỏ. Trong tay chị là một chùm hoa dại ông hái ven đường. Trong không gian tĩnh lặng ấy, ông bộc bạch đời mình với chị. Hơn hai mươi năm trước, vợ con ông đã bị vùi dưới đại dương trong một chuyến vượt biên. Ông

cô đơn nơi đất khách quê người. Lần này về thăm quê, những người ruột thịt gần gũi ông, người chết già kẻ chết bệnh, số còn lại theo con theo cháu sinh sống tản mát nhiều nơi. Ông có gặp vài người bạn nhưng tình thân cũng không giữ ông được bao lâu. Ông sợ cái cảm giác làm người khách trong ngôi nhà lạ. Ở khách sạn ông cảm thấy thoải mái hơn, tuy niềm vui mà ông có được chỉ là cái tạm bợ, thoáng qua, niềm vui của kẻ không cần cho ai và cũng không mong chờ ai, yêu thương ai. Rồi bất ngờ ông gặp chị. Như kẻ bơi kiệt sức, chỉ còn biết phó mặc cho dòng trôi thì với được chiếc phao. Và ông cho đó là một cuộc gặp gỡ định mệnh. Chị cảm động đặt bàn tay đã có những chấm đồi mồi sẫm nâu của ông vào bàn tay nhỏ nhắn của mình:

- Em cũng cảm thấy thế...

Ông ôm chị vào lòng, vuốt lên mái tóc đã có một vài sợi bạc của chị:

- Đúng là Trời Phật cho anh gặp em...

Lần đầu tiên, hai người hôn nhau trước mặt thằng bé. Nó níu áo chị rồi ôm lấy chân ông. Chị buông ông ra, ngồi thụp xuống, ôm con vào lòng. Chị khóc. Ông cũng không cảm được nước mắt. Chỉ có thằng bé ngây ngô không biết gì cứ nhào người vùng ra khỏi vòng tay của mẹ rồi ngồi bệt xuống đất, đưa tay chỉ trỏ những cánh bướm mong manh bay chấp chới trên ngọn cỏ. Tình yêu làm ông Hậu trẻ lại. Sáng sáng, ông và chị dắt thằng bé ra biển từ lúc còn rất sớm. Ông và chị bơi ra xa, khi màu hoa huệ của bình minh còn chưa chuyển thành màu hồng. Họ là những người bơi xa nhất, chứng kiến sự chuyển đổi sắc màu kỳ diệu của đất trời. Với ông, dường như càng bơi xa về phía mặt trời, ông càng thấy khỏe ra, và cũng chưa lúc nào ông khao khát mình được trẻ hơn, khỏe hơn như lúc này.

Khi quay lại, tràn trề niềm vui, ông moi bắt những con còng bỏ vào túi nhỏ mang theo, sửa sang bôi đắp tòa lâu đài bị sạt lở và kiên trì tập cho thằng bé quen nước, quen sóng. Cuối cùng sự kiên nhẫn của ông được đền bù. Thằng

bé không còn sợ nước và bắt đầu đùa nghịch với những con sóng tràn lên bãi cát. Dần dần, nó dạn dĩ lên, biết đưa cả hai tay nắm lấy tay chị, tay ông và kéo cả hai người chạy ào xuống biển.

Ông Hậu đưa hai mẹ con người phụ nữ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình tận vùng cát cháy Điện Bàn. Ông bà họ mặc chỉ còn trong lò mò ký ức với những nắm mồ rải rác nằm dọc theo sườn đồi còi cọc cỏ cây và oi ả nắng. Rồi ông theo chị về miệt rừng đước U Minh, nơi chị sinh ra và lớn lên với biết bao kỷ niệm còn lưu giữ. Ký ức tuổi thơ nhọc nhằn của chị càng khiến ông yêu thương và muốn bù đắp thật nhiều cho chị. Chị còn đưa ông xuống tàu ra tận Hòn Khoai, một hòn đảo xanh tươi giữa mênh mông trời nước mà lần đầu ông đặt chân tới. Ông cúi xuống dòng suối trong ngần, đưa tay bụm một bụm nước ngọt mát rượi kề môi uống cạn. Ông bụm một bụm nước nữa, cho chị... Cả hai cứ lặng đi vì hạnh phúc, ngỡ như mình lạc vào xứ sở thần tiên với dòng suối, tiếng chim, bóng cây, mây trời và tiếng rì rào của sóng. Trước khi ông lên máy bay trở về nơi đang định cư, họ quay trở lại khách sạn ven bờ biển, nơi định mệnh cho hai người gặp nhau. Một tối, ông ngồi với chị khá lâu trong nhà ăn. Chị uống hơi nhiều và rất vui. Niềm vui lây sang ông. Lây sang cả những người bạn chung quanh.

Chị ghé sát tai ông, thì thầm một điều gì. Mắt ông sáng lên, háp tấp hỏi lại:

- Chắc chớ em? Chắc chớ em...?

Chị gật đầu. Ông kéo chị vào lòng, ngồi lặng đi...

Trên chiếc giường êm, ông trần trọc, không sao chớp mắt. Ông sẽ có con. Một đứa con an ủi tuổi già. Có mơ ông cũng không tưởng nổi có được hạnh phúc này. Ông kéo chị sát vào mình và ôm thật chặt: "Anh biết ơn em! Em với con là tất cả...". Chị bịt miệng ông bằng những nụ hôn.

Khi buông nhau ra, chị chợt nghe tiếng ngáy đều đều của bé Bi bên cạnh. Chị nhìn sang con. Dưới ánh sáng hồng hồng của chiếc đèn ngủ, gương mặt ngây ngô của thằng bé trông thật đáng thương. Chị quay lại ông:

- Lỡ em lại sanh ra một đứa con giống như bé Bi...?

Không chút nghĩ ngợi, ông trả lời ngay:

- Thì mình sẽ nuôi nó như nuôi anh của nó!
- Nhưng như thế em lại đặt lên vai anh một gánh nặng...
- Anh đủ sức gánh mà, em!

Buổi sáng, chị dắt con cùng ông ra biển. Ông và chị để bé Bi ngồi nghịch cát. Hai người bơi ra xa. Phía đông, vàng sáng màu hồng đã thay cho màu hoa huệ. Chị vẫn bơi cạnh ông. Khi dừng lại nghỉ lấy hơi, chị nói với ông:

- Lỡ em lại sanh một đứa con không lành lặn hay đần độn...

Ông lấy bàn tay vuốt trần nước biển mặn lên gương mặt buồn thiu của chị:

- Thì mình cũng chăm sóc nó...
- Nhưng nó sẽ khổ suốt đời...

Chị buông phao, lặn lẽ bơi đi, bơi trước ông. Mặt trời bắt đầu nhô cao. Trước mắt chị, những đốm nắng long lanh trên mặt sóng. Ông bơi theo, nhưng không theo kịp chị. Giữa hai người là một khoảng cách. Khoảng cách đó như mỗi lúc mỗi kéo dài ra. Và biển mênh mông đang nổi liền chân trời mờ mờ trước mặt. Ông vừa bơi vừa gọi:

- Dừng ra xa nữa em, bơi vào đi...!

Chị như không nghe thấy, cứ tiếp tục bơi. Chỗ ông dừng lại cách bờ đã khá xa. Ông lo lắng khi thấy chị vẫn bơi. Ông gọi to:

- Em ơi, bơi vào đi...!

Chị vẫn sai tay bơi. Từ xa, ông cảm giác như chị sắp chạm phải mặt trời chói lòa trước mặt.

Trước mắt chị, biển chao nghiêng. Qua lớp sương mỏng được nắng chiếu

vào, chiếc cầu vồng của quá khứ đột ngột hiện ra. Chiếc máy bay thả khói trắng lên Làng rừng, nơi gia đình chị và bà con Làng rừng sống xúm xít bên nhau. Chị, cô bé mười hai tuổi sắp ngửa chạy theo cha mẹ anh chị, chạy theo cả làng, chạy về phía cánh rừng bạt ngàn trước mặt, vừa chạy vừa ho, ho sặc sụa, ho sung vù mặt mũi... Chị cứ chạy, cắm đầu cắm cổ chạy cho đến khi gặp đứa con mà chị chưa bao giờ thấy mặt, trầy trụa thiếu tay thiếu mũi đứng ngay trước mặt và mở miệng lắp bắp gọi mẹ. Rồi thằng bé Bi ngô nghê nhăn mũi cười thành tiếng và đứa trẻ mới sinh còn đỏ hỏn cũng mang về mặt vừa dị thường vừa đần độn của hai thằng anh của nó. Ba nắm ruột máu mủ, ba đứa con tật nguyền của chị ngăn trở chị và kéo chị xa, thật xa.

Ông hốt hoảng, gào lên:

- Cứu... cứu với...! Có người sắp chết đuối! Cứu...

Chị ngoi lên, ngụp xuống. Hình ảnh những đứa con trĩu nặng như những quả chì cứ kéo chị xuống...

Dồn hết sức lực và yêu thương, ông bơi về phía chị. Mặt trời chói lòa trước mặt.

Bích Ngân

Bích Ngân

Tách trà đã nguội

Mặt hồ xanh, gợn sóng. Kim thấy Tây Hồ cũng hao hao như bao mặt hồ

mà cô từng biết. Cũng lao xao, u hoài, cũng lưu nhiều tương truyền và cũng nhờ theo dệt từ tưởng tượng mà Tây Hồ quyến rũ như một người đàn bà đẹp và biết làm đẹp.

Vẻ đẹp vừa từng trải vừa hoang sơ có sức thu hút khách thập phương ngay trong những ngày nắng nóng

Cái nóng giữa hè của Tây Hồ thật oi, dù trời đã xé, nắng đã nhạt.

Đứng đợi thuyền chưa đầy mười phút Kim uống hết sạch chai nước nửa lít. Cô loay hoay tìm thùng rác để vứt vỏ chai thì thuyền đã cập bến. Đoàn người lần lượt xuống thuyền, một chiếc thuyền lắp kính và gắn máy lạnh. Kim bước vào thuyền đã nghe Lý Kiệt, người hướng dẫn đoàn, nói ra rả vào mi-crô. Được học tiếng Việt ở trường lớp hẳn hoi và có ba năm làm thương buôn qua lại ở vùng biên giới Việt - Trung nên Kiệt nói tiếng Việt khá sõi. Kiệt làm nhiều nghề, thạo nhất là buôn bán. Từng cưới và bỏ một cô vợ Việt Nam. Hiện Kiệt gởi người vợ thứ hai ở nhà mẹ vợ và đang sống với người vợ thứ ba ở Hàng Châu. Kiệt kể tiêu lâm có duyên và có biệt tài bịa chuyện.

Kiệt hào hứng nói về những nhà thơ tên tuổi mà thi hứng làm nên nhiều bài thơ cũng từ sông nước Tây Hồ. Một người hỏi: “Chắc Lý Kiệt có bà con với Lý Bạch?”. Kiệt cười khà: “Có... họ đó!”. Như để làm mọi người tin, Kiệt đọc thơ Lý Bạch. Kiệt lặp lại, ngâm nga: “... Tương tư hoàng diệp lạc. Bạch lộ thấp thanh đài”. Nổi nhớ, lá vàng, vài sợi râu biếc hờ hững vương lại trong khoang thuyền máy lạnh chừng ít giây.

Kim đưa tay đẩy cửa kính sang một bên. Ngọn gió oi nồng xộc vào. Nhiều

tiếng gần như cùng la lên: “Khép lại, khép cửa lại!”. Cánh cửa lập tức được đẩy về vị trí cũ. Máy điều hòa chạy rì rì. Kim nhìn mặt nước lao xao qua cửa kính. Cô bất giác mỉm cười, thấy những thi nhân thật may mắn khi không được tận hưởng những tiện nghi hiện đại. Giá như, không phải ngồi trên chiếc tàu chạy bằng động cơ, không bị nhốt trong một không gian phả đầy hơi máy lạnh, thì bài thơ Ký viễn đầy xao xuyến của Lý Bạch không lọt thỏm giữa những khoảng trống ơ thờ. Thấy không ai hứng thú khi nghe thơ, dù là thơ của bậc thi nhân, Kiệt chuyển đề tài về những nhan sắc làm rơi rụng... mà râu.

Kiệt nói như thể chính tai mình nghe giọng nói mê hồn của Điêu Thuyền. Giọng điệu đưa đẩy của mỹ nhân làm mặt nước duềnh lên khiến Tây Hồ mênh mang như ngày nay. Kiệt còn nói, gót son, rồi nốt ruồi son của Dương Quý Phi mà nhiều lần Đường Minh Hoàng làm lật thuyền rồng. May mà, dù bị nhốt trong tháp Lô Phong, Bạch Xà và Thanh Xà, vẫn có lè lưỡi cuộn lấy vị vua khỏi tay Hà Bá. Ông kính những chiếc máy ảnh (dĩ nhiên cũng phải ngắm qua lớp kính) gương về phía tháp Lô Phong.

Thuyền chạy hai vòng quanh hồ, Kim hai lần ước, giá được đi bằng xuồng, được bơi bằng mái chèo, thì mặt hồ sẽ rộng hơn và xúc cảm cũng chắc sẽ kịp nở ra, dù bé nhỏ như những bông hoa li ti màu vàng mọc theo lối đi dọc bờ hồ; và cô cũng hai lần hướng ống kính về phía tháp, ghi thêm hình ảnh của nó dưới những cụm mây. Kim bấm lia lịa, với le lối ý nghĩ, biết đâu, trong cái tháp mới được xây đang đứng chênh vênh bên kia sườn núi, Bạch Xà và cả Thanh Xà nữa, dù có đến vạn lần thay da đổi xác, triệu lần vùng vẫy, vẫn chưa thoát kiếp đọa đày, vẫn âm thầm đợi cái phút giây được hóa kiếp.

Thuyền cập đúng cái bến nó vừa rời cách đó một giờ đồng hồ. Kim ngồi nán lại trên băng ghế ít giây, cảm thấy tiếc khi phải chia tay cái cảm giác ngọt ngào bình bông và cũng chợt thấy thế giới vừa không cùng vừa chật hẹp, có hứng chí bay nhảy trôi dạt rồi cũng bươn bả quay về nơi xuất phát. Kim đứng trên cầu tàu thêm một tẹo nữa, nhìn mặt hồ và hình ảnh phản chiếu hư thực lung linh. Kiệt quay lại đưa lá cờ vẫy vẫy, ra hiệu Kim đi nhanh lên. Khi Kim theo kịp, Kiệt quay lại nói, kiêu nói không dành cho riêng ai: “Đa cảm, bịn rịn chi phí phạm thời gian - anh ta cười khoe hàm răng trắng sáng - mà thời gian là thứ dễ mất nhất!”.

Rời Tây Hồ hơn 30 phút, thôn trà Long Tỉnh hiện ra. Dọc hai bên đường là những ngôi nhà nằm trong khuôn viên thắm cây và hoa. Hoa nhiều loại, nhiều sắc. Hoa từng luống, từng chậu, hoa kết thành giàn, hoa leo lên cổng, hoa trèo lên tường... Thấp thoáng trước mỗi sân nhà là những chiếc bàn phủ vải với những bộ bình trà được bày sẵn. Trải qua nhiều thế kỷ, với nghề sản xuất và kinh doanh trà, Long Tỉnh trở thành một trong ít thôn giàu nhất Trung Quốc. Vị trưởng thôn, cũng nghe Kiệt nói, nhiều lần được chính phủ mời làm vị quan to nhất nhì thành phố Hàng Châu nhưng ông ta đều lắc đầu. Kiệt nhìn trái rồi nhìn sang phải, vừa chỉ trỏ vừa nói to cho mọi người cùng nghe: “Không ở đâu sướng hơn thôn này, vừa giàu, vừa đẹp lại vừa được tự do!”.

Xe dừng trước cánh cổng đường bệ của một ngôi nhà. Cổng đóng. Kiệt nhảy xuống. Anh ta chạy theo lối hẹp vào bên trong. Vài phút sau, chỉ cánh cổng đang mở, Kiệt cười khà, nói: “Đó cũng là biểu hiện của tự do: Muốn đóng thì đóng, muốn mở thì mở, không lệ thuộc vào thứ gì, kẻ cả... thượng đế!”.

Mặc cho “thượng đế” đứng ngồi nhấp nhồm, chủ nhân của những tách trà trứ danh, vẫn thông dong xường xám ôm sát vóc dáng, yếu điệu như người mẫu đang trình diễn.

Thời gian chờ được uống trà, Kim kéo Hoài, chị bạn lớn hơn Kim nửa con giáp, giận chồng, giận đời bỏ đi chơi mong tìm khuây khỏa, trở ra mảnh cỏ xanh ửng dưới hoàng hôn. Hoài chỉ cho Kim cái gùi hái trà. Kim xúc gùi lên lưng và đưa máy ảnh nhờ chị bạn ghi hình. Hồi ngắm Kim, nhíu mày: “Trông giả quá!”. Kim đổi thế đứng, chành miệng cười. Hoài khoát tay: “Còn tệ hơn!”. Kim nở tiếp một nụ cười. Hoài tắt máy, bực bội: “Thôi đừng chụp nữa!”. Chị bạn trả máy, mặt buồn buồn. Kim bấm review, xem lại hình.

Mấy ngày qua, Kim chụp với nhiều cảnh làm giả, từ chùa tháp, đền đài, lăng tẩm đến những ngôi làng của nhiều dân tộc với những túp lều lúp xúp chạy dọc theo triền đồi, những thác nước âm ào trắng xóa, những dòng sông uốn khúc hiền hòa... Thiên nhiên giả. Di sản giả. Phồn vinh giả. “Đưa máy cho chị!”, Hoài la lên. Kim lật đật đưa máy cho Hoài. Hoài đưa ống kính về phía Kim bấm liền mấy pô. Chị bạn xem lại hình rồi đưa cho Kim xem những tấm hình vừa chụp: “Cô xem đi, đâu cần phải làm bộ làm tịch!”. Lúc Kim xem ảnh mình, cô nghe Hoài nói: “Con người khổ hoài vì cứ phải gồng lên để đóng kịch!”. Kim thấy vẻ mặt khi tự nhiên cũ xì, khi bồn chồn, khi xao xuyến của mình trong ảnh. Kim không có khả năng nhập vai nào khác ngoài chính mình. Cô hãnh diện vì điều đó và cũng đã phải trả giá bởi chính nó và cô coi đó là cái giá được trả, được sở hữu, được tận hưởng; cái giá của vô giá. Kim chợt nhận ra cái gì đó nhồn nhột như gang bàn chân trần giẫm phải cỏ gai. Cỏ dưới chân Kim thì mềm và mượt. Thứ cỏ không làm ai đau, thứ cỏ chắc chỉ để trang trí dù được trải rộng và kéo dài đến chân đồi. Mút ở tâm

mắt, một viền sáng, rồi một vùng sáng hiện ra, bất ngờ và kỳ ảo. Kim nhú mắt, ngỡ ngàng. Hoài cũng che bàn tay lên trán, sững sờ. Hình như chỉ có những chiếc bóng đổ dài cùng ánh tà dương trên đồi trà kia là thật. Thật và mong manh. Như hơi thở. Như cái chớp mắt. Như cái rùng mình thăng hoa của cảm xúc. Kim lật đật ghi những khoảnh khắc cuối chợt bùng lên của ánh ngày.

Kim trở lại, nhiều người đã cạ tách và lần lượt đứng ghi hình cạnh bức tượng bằng đồng đen của Lục Vũ, người viết Trà Kinh, quyển sách đầu tiên của nhân loại về trà và cũng là người biết thưởng thức cái đẹp theo cách tao nhã nhất.

Kim và Hoài đành chờ bình trà sau. Lục Vũ bảo, thưởng trà cũng như thưởng hoa, không được vội. Lục Vũ còn bảo, không có cảm xúc thì chớ uống trà.

Lý Kiệt nheo mắt với “xường xám” rồi nói với mọi người: “Người sành trà thì không nên trả giá khi mua trà!”. Trước đó hai hôm, lúc giới thiệu rượu Mao Đài tại một cửa hiệu ở Bắc Kinh, Kiệt cũng nói: “Người biết thưởng rượu thường không cò kè bớt một thêm hai”. Kiệt dứt lời, Hoài vặn lại: “VẬY mua gì thì mới trả giá?”. Kiệt cười thành tiếng, tiếng cười khùng khục từ cổ họng: “Mua người!”. Rồi bằng cái giọng tỉnh bơ, anh ta tiếp: “Chỉ có con người mới có cái giá vô chùng. Với người này, anh ta được nâng lên như một đấng đế vương; nhưng với người khác anh ta bị chìm xuống thành rác rưởi!”.

Như nhiều người, Kim cũng mua một gói. Mua không phải vì sành trà mà

chính vì thương hiệu trà, dù cô và cả đoàn khách đều được biết khi đặt tên Long Tỉnh cho loại trà này, kẻ trị vì thiên hạ chỉ nhận thấy hình ảnh và ảo tưởng của mình.

Cầm gói trà trong tay, vẫn chưa thấy tách trà bốc khói. Kim lại kéo tay chị bạn đi ngang qua bức tượng trầm mặc của Lục Vũ, đẩy cánh cửa gỗ rồi đẩy tiếp cánh cửa kính, bước vào gian hàng lưu niệm.

Hoài ngắm nghía một hồi rồi chọn mua bộ bình trà bằng men sứ màu lam đặt gọn trong lòng tay. Kim sắm soi mấy bộ nghiên bút và mua tặng chồng một bộ trông hoàn hảo hơn cả dù cô biết anh chẳng đủ kiên nhẫn ngồi mài thỏi mực để có thể viết đủ ba từ: “Anh yêu em!” mà cô khát khao được viết ra, nói ra từ anh. Sau đó cả hai bước tới quầy sách, hầu hết là tiếng Hoa, chỉ lác đác mấy quyển tiếng Anh. Hoài bấm tay Kim một cái đau điếng và bật ho khi thấy một lô ảnh khóa thân bày tênh hênh giữa sách, tạp chí, postcard in ảnh chân dung danh nhân, doanh nhân, chính trị gia và ngôi sao nghệ thuật. Kim cầm lên một quyển sách của Lão Xá. Nhìn gương mặt nghiêm nghị của nhà văn, Kim bỗng nhớ từng chi tiết trong truyện ngắn Cây thương đoạn hôn mà cô đọc được chưa lâu. Sa Tử Long không chịu truyền đạo pháp Đoạn hôn thương cho bất cứ ai vì ông sợ rằng những giá trị tôn nghiêm, niềm kiêu hãnh bao đời, và cả sinh mệnh tâm hồn ký thác vào đó sẽ bị cuộc đời dung tục hủy hoại. “Ông Lục Vũ đứng cách đây có mấy bước, vậy mà...” - giọng Hoài dăm dẳng chỉ chiết xua sạch mấy chi tiết trong câu chuyện của Lão Xá mà Kim đang rập nôi. Hoài cúi bản, bức bối như thể trước mặt chị không phải là ảnh chụp mà là những cô gái đang sử dụng triệt để cái vốn trời cho để bầy những gã đàn ông - và biết đâu chồng chị cũng nằm trong số đó - có lòng ham muốn không thể kìm giữ. Đi khỏi quầy sách

mấy bước, Hoài còn quay lại liếc nhìn một lần nữa bộ ngực căng nảy và vùng kín không cần che đậy của những nhan sắc không còn là của riêng ai.

Lúc Kim và Hoài trở ra, tách trà đã nguội, hương thơm còn thoảng nhẹ. Chỗ góc sân, thần thái cùng bước tượng đồng đen của Lục Vũ chìm dần vào bóng tối.

Bích Ngân

Tiếng gọi của con chim sáo

Không khóc sao được khi mỗi sáng ra thăm chuồng, chị vui sướng nhìn những quả trứng trắng ngà lăn lóc đầy chuồng. Những con gà mái lẳng xẵng mừng rỡ “lóc cóc...lóc cóc...” đón chị bằng một thứ ngôn ngữ mà chị và lũ gà đều ngầm hiểu. Mắt chúng rục rục sáng, chạy ào cả về phía chị. Chị cười bảo: “Ăn cho no, đẻ cho nhiều nghe...”.

Bây giờ những con gà chết nằm ngổn ngang trong chuồng. Có con chết khi đang ăn. Có con chết khi đang đẻ. Những con sống sót ủ rũ đứng dờn vào một góc. Một không khí lạnh lẽo, tang tóc bao trùm khu chuồng trại. Mấy ngày sau, dù đã được cách ly, sát trùng, tẩy uế chuồng, gà vẫn chết hàng loạt. Chết không kịp chôn. Có người an ủi chị: “Chúng nó đi theo anh Dậu đó chị Hằng ơi!”

Anh Dậu, chồng chị, là kỹ sư chăn nuôi. Anh đổ mồ hôi sôi nước mắt gom

góp gầy dựng được một trại gà vào loại bề thế của cái làng ven sông Vàm Cỏ này. Khi trại gà bắt đầu sinh sôi thì anh Dậu bị bệnh nặng và dù chị Hằng đã tất tả ngược xuôi chạy chữa cho chồng, hết trung tâm y tế huyện đến bệnh viện tỉnh rồi lên bệnh viện ở Sài Gòn nhưng anh cũng không thoát khỏi chứng bệnh nan y.

Rồi anh Dậu lặng lẽ ra đi vào một chiều mùa xuân khi nắng tràn vào mái hiên, nơi anh từng nằm sưởi nắng, lắng nghe đàn gà líu ríu ồn ỉ xao động cả một không gian thanh bình và khuấy động cả khúc sông hiền hòa trước mặt. Ba năm trước chị vượt mắt cho chồng, nay dịch cúm gà đã cuốn phăng công lao gầy dựng vất vả của anh.

Chôn những con gà xấu số xong, chị cho công nhân tạm nghỉ. Ngày hai buổi thấp nhang cho chồng, chị thấp luôn cả năm nhang cho hàng ngàn con gà đã chết. Thức, chị ngồi lặng hàng tiếng đồng hồ ngoài trại. Chợ mắt, chị hay mơ, những giấc mơ không trọn vẹn với những hình ảnh, những âm thanh không trọn vẹn. Khi thì thấy chồng lúi húi bên trại gà, khi lại nghe anh gọi. Tiếng gọi có lúc thật mơ hồ, khi thì ở bên kia bờ sông, nơi có những bụi hoa mua tím rậm; khi thì nhấp nhói hạt hơi bên những con sóng lao xao; khi thì nghe tiếng kêu đòi ăn của lũ gà; khi thì thấy những ả gà mái núc ních, lông óng vàng, mào đỏ chót đang lóc cóc, lóc cóc...

Trong ngôi nhà ba gian tươm tất của chị còn lại ba sinh linh: con mèo suốt ngày lim dim ngủ, con sáo và chị. Con mèo vừa lười vừa ranh. Lúc nào ả cũng muốn được bà chủ vuốt ve, cứ cọ cái đuôi dài vào chân tay chị bất kể cả những lúc chị đang buồn héo ruột héo gan. Bù lại hơi hướm của nó cũng đủ răn đe mấy con chuột táo tợn mà dường như biết ngôi nhà thiếu hơi đàn ông chúng cứ sục sạo suốt đêm.

Con sáo mới là người bạn thân thiết của chị. Đó là kỷ vật của anh để lại. Một kỷ vật thiêng liêng. Khi vay bạn bè vốn liếng lập trại, một người bạn đã tặng

anh con sáo. Người bạn cho biết loại sáo này khôn lắm, nuôi chỉ một năm là biết nói. Con sáo lớn lên, lông đen mượt, mỏ vàng, chân chì linh lợi trong chiếc lồng bằng nan tre mà anh đã công phu vuốt uốn từng nan.

Chị vẫn còn nhớ cái cách anh vót những chiếc nan tre và miệng thì huýt sáo. Rồi mỗi sáng mỗi chiều tiếng huýt sáo của anh và tiếng nói, tiếng cười của anh làm trái tim chị tràn niềm vui. Một năm sau khi con sáo bắt chước tiếng chim chào mào, anh bắt đầu tập cho nó nói. Tiếng đầu tiên là: “Hằng ơi...”. Mỗi lần chị đi qua, anh chỉ tay vào chị, gọi: “Hằng ơi...”. Con sáo ghéch mỏ, nhìn chị một lúc rồi cũng khó nhọc cất tiếng gọi: “Hằng... ơi...”. Một tiếng gọi trầm ấm, rất là đàn ông.

Nhân lúa gà đầu tiên đẻ trứng, cộng thêm sự kiện con chim sáo biết nói, anh chị làm bữa nhậu mời bạn bè đến dự. Tiệc bày ra, chị Hằng bung mâm đi qua lồng sáo, nó nghển cao cổ hướng về chị và cất tiếng gọi: “Hằng ơi...”. Bạn bè ngạc nhiên, tròn mắt thán phục cái giọng rất ư tình cảm của con sáo. Lý thú hơn, nó lại bắt chước được cái giọng ồm ồm của anh Dậu.

Một người bạn lên tiếng: “Dậu này, cậu mà có đi đâu, nghe con sáo gọi chắc bà xã cậu cũng đỡ nhớ”. Họ xúm lại bên lồng chim dạy nó thêm: “Hằng ơi, anh yêu em lắm”. Con sáo giương cổ cố nhại theo mấy tiếng “anh yêu em lắm” nhưng nghe không rõ, từng âm cứ dính vào nhau như cơm nếp nấu nhão. Nhưng mỗi khi con sáo nói câu ấy, anh Dậu và chị Hằng đều hiểu nó muốn nói: “Anh yêu em lắm...!”.

Chị Hằng cho con sáo ăn một chế độ đặc biệt: lòng đỏ trứng gà trộn với gạo lứt phơi khô, nước uống là nước mưa được hứng từ mái hiên nhà. Dần dần nó nói được nhiều tiếng, nhiều câu. Có ai đến chơi, nó ghéch mỏ chào: “Có khách... Có khách Hằng ơi”. Nhiều khi chị Hằng đi qua, nó nhảy chồm về phía chị, ánh mắt chớp liên hồi như vừa mừng rỡ vừa vui sướng và chào bằng một giọng hết sức tình cảm mà chị cảm nhận được: “Hằng ơi, anh yêu

em lắm...”. Chị nghẹn ngào, sững lại, bật thốt thành lời: “Sáo ơi, tao yêu mày lắm!”.

Hôm đưa đám anh Dậu, con sáo xù lông đứng bất động ở góc chuồng, im lìm như một cái xác. Chị Hằng cũng không còn nhớ gì cả để lưu tâm đến nó. Nỗi đau quá lớn khiến chị quên cả việc cho sáo ăn. Rồi khi vừa từ nghĩa trang về, chị nghe một tiếng gọi khá to và ngân dài: “Hằng ơi...!” như tiếng của anh Dậu âu yếm gọi chị. Chị bàng hoàng giữa căn nhà trống vắng rồi thụp xuống ghế, nước mắt trào tuôn.

Cơn xúc động qua đi, chị đứng lên thắp một nén nhang lên bàn thờ anh thì cũng là lúc con sáo liên tiếp gọi: “Hằng ơi, Hằng ơi... anh yêu em lắm...”. Chị hạ chiếc lồng xuống, nhẹ nhàng bắt con sáo đặt vào lòng bàn tay. Hai mắt nó chom chớp rồi buồn bã gọi: “Hằng ơi...”. Chị rưng rờ, y như linh hồn anh Dậu đã nhập vào con sáo, hiện diện trong ngôi nhà này cùng chị. Con sáo làm chị nguôi ngoai phần nào nỗi thương tiếc chồng. Là từ ngày anh Dậu mất, đàn gà đẻ rất sai. Chị vay thêm tiền ngân hàng, nâng đàn gà từ năm ngàn con lên gấp đôi. Công việc chăm sóc cũng nhẹ hẫng đi nhờ những người công nhân thạo việc và trung thành. Chị Hằng dành nhiều thời gian cho con sáo. Chị thường tưới nước vun bón những chậu hồng quanh đó, lần quần quanh con sáo để trò chuyện và để thỉnh thoảng được nghe tiếng gọi thiết tha: “Hằng ơi, anh yêu em lắm...”.

Chị đang ăn nên làm ra nhờ trại gà thì dịch cúm gà ập đến. Một trận cuồng phong, một cơn động đất ập đến cũng chỉ hời hợt như thế là cùng.

Chị như kẻ mất hồn, ngồi lặng lẽ trong căn phòng có treo chiếc lồng chim sáo phía trước. Như chia sẻ nỗi buồn với chị, con sáo cũng ít nói hơn, nhưng mỗi khi chị thắp nhang cho anh Dậu và đàn gà, nó lại ngân lên rất khê: “Hằng ơi...”.

Một chiều, khi đang cho chim sáo ăn, ông trưởng ấp bước vào, vẻ mặt

nghiêm trang:

- Chị Hằng ạ, tôi biết chị sẽ rất buồn nhưng theo lệnh của thị xã, những ai nuôi chim đều phải giết bỏ để tránh dịch bệnh lây lan...

Chị Hằng không bắt ngờ trước thông tin của ông trưởng ấp, nhưng điều đó có nghĩa là con sáo của chị cũng phải đem thiêu hủy! Như bị một nhát dao đâm thẳng vào tim, chị choáng váng không nói được câu nào, mặt tái đi, cứ như là chính chị cũng sẽ phải hỏa thiêu.

Ông trưởng ấp đi rồi, chị đến bên lòng, mở cửa, lặng lẽ đặt con sáo vào lòng bàn tay. Con sáo như cũng hiểu được sự nghiêm trọng của những gì sắp xảy ra với nó, khép nép đưa mắt nhìn chị, như dò hỏi, như muốn được nghe câu trả lời của chị. Trời ơi, kỷ vật của anh Dậu, một con sáo mang hồn người, người bạn thân thiết cùng chị trong ngôi nhà này sắp vĩnh biệt chị. Vuốt nhẹ bộ lông đen mượt của nó, nước mắt chị trào ra...

Sáng hôm sau, khi những thanh niên trong ấp đến nhà chị trong tay là những bao những túi chứa xác nhiều loại chim, chị lật đật bước ra, giọng buồn buồn:

- Đêm qua con sáo nhà tôi bị mèo vồ mất rồi...

Tốp thanh niên định quay ra thì một tiếng ồm ồm cất lên từ trong chiếc tủ đặt khuất sau phòng khách: “Hằng ơi...”. Cả tốp sững lại lắng nghe. Con chim sáo bị nhốt trong ngăn tủ tối tăm cứ liên tục kêu “Hằng ơi...Hằng ơi...” nghe đau đớn như một lời cầu cứu.

Biết không thể giấu nổi, chị bật khóc như đứa trẻ và đành mở tủ, đem con sáo ra.

Con sáo quẹt quẹt cái mỏ vào mu bàn tay chị rồi nhìn chị, thống thiết cất lên tiếng gọi: “Hằng ơi !”.

BÍCH NGÂN

Minh họa: Nguyễn Thuyên
Nguồn: tuoitre.com.vn
Được bạn: mickey đưa lên
vào ngày: 11 tháng 4 năm 2004